

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**  
**KHOA KINH TẾ & PHÁT TRIỂN**



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ  
TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ  
HUẾ TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**



**HÀ KHÁNH LINH**

**Khóa học: 2012 – 2016**

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**  
**KHOA KINH TẾ & PHÁT TRIỂN**



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ  
TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ  
HUẾ TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**



**Sinh viên thực hiện:**

**Hà Khánh Linh**

**Lớp: 46C KHĐT**

**Niên khóa: 2012 - 2016**

**Giáo viên hướng dẫn:**

**ThS. Trần Đoàn Thanh Thanh**

**Huế, tháng 05 năm 2016**

# *Lời cảm ơn*

Tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể quý Thầy Cô giáo Trường Đại Học Kinh Tế Huế, Khoa Kinh Tế và Phát Triển đã tận tình truyền đạt những kinh nghiệm, kiến thức quý báu cho tôi trong suốt thời gian học tập tại trường. Đặc biệt là **ThS. Trần Đoàn Thanh Thanh**, người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tôi tận tình trong suốt quá trình thực tập nghiên cứu và hoàn thành khóa luận này.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, chỉ bảo từ phía cơ quan thực tập – Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thừa Thiên Huế. Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Phòng Kinh Tế Đối Ngoại đã tận tình giúp đỡ tôi trong suốt thời gian thực tập vừa qua.

Thời gian thực tập nghiên cứu cũng như nhận thức lý luận còn hạn chế, đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự quan tâm góp ý của quý thầy cô và bạn đọc.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**Huế, tháng 5 năm 2016**



**MỤC LỤC**

<b>PHẦN I ĐẶT VẤN ĐỀ</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu.....	2
<b>PHẦN II NỘI DUNG NGHIÊN CỨU</b> .....	4
<b>CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI</b> .....	4
1.1. Cơ sở lý luận.....	4
1.1.1. Tổng quan về vốn đầu tư.....	4
1.1.2. Khái niệm vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và đặc điểm của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.....	5
1.1.3. Chính sách thu hút FDI.....	15
1.1.4. Các chỉ tiêu đánh giá mức độ thu hút vốn đầu tư vào khu kinh tế.....	16
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	17
1.2.1. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam.....	17
1.2.1.4. Theo các đối tác đầu tư.....	20
1.2.2. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI của Tỉnh Thừa Thiên Huế.....	20
1.2.3. Những bài học kinh nghiệm về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.....	20
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ HUẾ</b> .....	25
2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của Thành Phố Huế.....	25
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên.....	31
2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội.....	33
2.2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành Phố Huế trong giai đoạn 2011 - 2015.....	35
2.2.1. Chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế trong đó có TP Huế về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).....	35

2.2.2. Quy mô, số lượng dự án và số vốn đăng kí đầu tư trực tiếp vào thành phố Huế giai đoạn 2011 - 2015 .....	39
2.2.3. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI theo lĩnh vực của TP Huế.....	40
2.2.4. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI theo quốc gia của TP Huế .....	41
<b>2.2.5. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI theo hình thức đầu tư của TP Huế .....</b>	<b>43</b>
2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành Phố Huế .....	45
2.3.1. Đánh giá của doanh nghiệp về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư trên địa bàn TP Huế.....	45
2.3.2. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ hài lòng với các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư ở Thành Phố Huế .....	46
2.3.3. Đánh giá của doanh nghiệp về sự cần thiết cải thiện một số yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư ở TP Huế.....	52
2.4. Đánh giá tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành Phố Huế.....	53
<b>2.4.1. Kết quả và hiệu quả đạt được từ đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Huế .....</b>	<b>53</b>
2.5. Đánh giá môi trường đầu tư tại Thành Phố Huế .....	58
2.6. Những hạn chế và nguyên nhân trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành Phố Huế .....	60
2.6.1. Những mặt hạn chế trong việc thu hút FDI vào thành phố Huế .....	60
2.6.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc thu hút FDI vào thành phố Huế	63
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ HUẾ .....</b>	<b>66</b>
3.1. Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Thành Phố Huế.....	66
3.2. Những định hướng phát triển của Thành Phố Huế.....	67
3.3. Một số giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thành Phố Huế	68
3.3.1. Xây dựng và hoàn thiện chiến lược xúc tiến đầu tư.....	68
3.3.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng.....	69
3.3.3. Bổ sung, điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài .....	69

3.3.4. Cải cách hành chính đối với công tác quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài .....	70
3.3.5. Phát triển nguồn nhân lực .....	71
<b>PHẦN III KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>72</b>
1. Kết luận.....	72
2. Kiến nghị .....	73
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>74</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>76</b>

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>FDI</b>	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
<b>ODA</b>	Viện trợ phát triển chính thức
<b>NGO</b>	Viện trợ phi Chính phủ
<b>WTO</b>	Tổ chức thương mại Thế giới
<b>ASEAN</b>	Hiệp hội các nước Đông Nam Á
<b>GDP</b>	Tổng sản phẩm quốc nội
<b>IMF</b>	Quỹ tiền tệ thế giới (International Monetary Fund)
<b>UNCTAD</b>	Ủy ban thương mại và phát triển của Liên hiệp quốc
<b>BOT</b>	Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao
<b>BTO</b>	Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh
<b>BT</b>	Hợp đồng xây dựng - chuyển giao
<b>ICOR</b>	Tỷ lệ giữa vốn đầu tư và tăng trưởng kinh tế
<b>APEC</b>	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương
<b>ASEM</b>	Diễn đàn kinh tế Á – Âu
<b>ĐTNN</b>	Đầu tư nước ngoài
<b>KD</b>	Kinh doanh
<b>TM - DV</b>	Thương mại – Dịch vụ
<b>KHCN</b>	Khoa học công nghệ
<b>HĐ</b>	Hợp đồng
<b>CN</b>	Công nghiệp
<b>SX</b>	Sản xuất
<b>XH</b>	Xã hội
<b>DV</b>	Dịch vụ
<b>XK</b>	Xuất khẩu
<b>TNHH</b>	Trách nhiệm hữu hạn
<b>TNHH MTV</b>	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
<b>KCN</b>	Khu công nghiệp
<b>LD</b>	Liên doanh

<b>DA</b>	Dự án
<b>ĐK</b>	Đăng ký
<b>TH</b>	Thực hiện
<b>BCC</b>	Hợp đồng hợp tác kinh doanh
<b>ĐTTTTN</b>	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
<b>TP</b>	Thành phố
<b>CHCDND</b>	Cộng hòa dân chủ nhân dân
<b>KTTĐ</b>	Kinh tế trọng điểm
<b>CP</b>	Cổ phần
<b>CNH- HDH</b>	Công nghiệp hóa – hiện đại hóa
<b>TT. Huế</b>	Thừa Thiên Huế
<b>EU</b>	Liên minh Châu Âu
<b>UBND</b>	Ủy ban nhân dân
<b>UNESCO</b>	Tổ chức giáo dục, khoa học và văn học của Liên hợp quốc



**DANH MỤC MÔ HÌNH, HÌNH**

Mô hình 1: Quy trình cấp giấy phép đầu tư .....	39
Hình 2.1. Vốn đăng ký đầu tư và thực hiện qua các thời kỳ của Tỉnh Thừa Thiên Huế ...	26
Hình 2.2: Cơ cấu đầu tư FDI theo lĩnh vực đầu tư .....	28
Hình 2.3: Các dự án và vốn đăng ký mới vào thành phố Huế từ năm 2009 đến 2015 ...	39
Hình 2.4: Phân loại các dự án FDI theo lĩnh vực trên thành phố Huế .....	41
Hình 2.5: Cơ cấu vốn đăng ký theo các quốc gia của TP Huế năm 2015 .....	42
Hình 2.6: Doanh thu, kim ngạch xuất khẩu của các dự án FDI đầu tư vào thành phố Huế trong giai đoạn 2011 – 2015 .....	54
Hình 2.7: Nộp ngân sách của các dự án FDI đầu tư vào thành phố Huế trong giai đoạn 2011 – 2015 .....	54
Hình 3.1: Cơ cấu kinh tế của thành phố Huế dự kiến đến năm 2016 .....	66

**DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

Bảng 1:	Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 1988 - 2015 .....	17
Bảng 2:	Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 1988 - 2015 .....	18
Bảng 3:	Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở một số tỉnh thành giai đoạn 1988 - 2015 .....	19
Bảng 4:	Các đối tác đầu tư lớn nhất vào Việt Nam giai đoạn 1988 - 2015 .....	20
Bảng 5:	Tình hình thực hiện vốn FDI qua các thời kỳ của Tỉnh Thừa Thiên Huế .....	25
Bảng 6:	Tổng hợp đầu tư trực tiếp nước ngoài khu vực Bắc Trung Bộ .....	27
Bảng 7:	Dự án đầu tư FDI theo hình thức đầu tư đến năm 2015 tỉnh TT. Huế .....	28
Bảng 8:	Dự án FDI theo nước đầu tư đến năm 2015 tỉnh TT. Huế .....	29
Bảng 9:	Vốn đầu tư toàn xã hội của Tỉnh Thừa Thiên Huế theo nguồn vốn đầu tư .....	30
Bảng 10:	Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Thành phố Huế năm 2015 .....	34
Bảng 11:	Chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh TT. Huế .....	35
Bảng 12:	Quy mô số lượng dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Huế năm 2015 .....	40
Bảng 13:	Phân loại dự án FDI theo nước đầu tư trên thành phố Huế năm 2015 .....	42
Bảng 14:	Phân loại dự án đầu tư FDI theo hình thức đầu tư .....	43
Bảng 15:	Một số dự án lớn đang thực hiện tại thành phố Huế .....	44
Bảng 16:	Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định đầu tư của DN .....	45
Bảng 17:	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về yếu tố môi trường đầu tư .....	47
Bảng 18:	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về yếu tố thủ tục hành chính .....	49
Bảng 19:	Mức độ hài lòng của DN về nhóm yếu tố chính sách .....	51
Bảng 20:	Mức độ cần thiết cải thiện yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của DN .....	52
Bảng 21:	Kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại thành phố Huế .....	53

## TÓM TẮT NGHIÊN CỨU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển đầu tư trực tiếp nước ngoài được các quốc gia trên thế giới xem là một chiến lược quan trọng, trong đó có Việt Nam. Việc cải thiện nhanh chóng môi trường đầu tư trong nước, đẩy mạnh cạnh tranh, thu hút đầu tư nước ngoài vào Thành phố Huế nói riêng và Tỉnh Thừa Thiên Huế là rất cần thiết. Chính vì vậy, tôi đã chọn nghiên cứu đề tài ***“Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế trong giai đoạn 2011 - 2015”*** để làm khóa luận tốt nghiệp Đại học.

### 2. Mục tiêu của nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Phân tích được thực trạng thu hút FDI của thành phố thời gian qua.
- Đề xuất những giải pháp về chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thành phố Huế.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập.
- Phương pháp phân tích và so sánh.
- Phương pháp thống kê.

### 4. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu phục vụ đề tài là số liệu thứ cấp được thu thập từ sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng số liệu điều tra các doanh nghiệp để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp ở TP Huế.

### 5. Các kết quả đạt được

- Về mặt lý luận: Đề tài đã khái quát hóa các lý thuyết, định nghĩa, các thông tin và các đặc điểm của nguồn vốn FDI qua đó giúp cho mọi người có hình dung cơ bản về nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Về nội dung: Đề tài đã phân tích tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế trong giai đoạn hiện nay. Kết quả cho thấy tình hình đầu tư FDI vào thành phố có xu hướng tăng, nhiều dự án đầu tư có hiệu quả góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố phù hợp hơn. Bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn tồn tại một số hạn chế trong quá trình thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài do năng lực đội ngũ còn yếu kém, chính sách chưa thật sự thu hút được các nhà đầu tư nên các dự án vào thành phố Huế vẫn thấp so với các địa phương khác. Từ đó đề tài đã đề xuất các biện pháp nhằm tăng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế.

## **PHẦN I**

### **ĐẶT VẤN ĐỀ**

#### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển đầu tư trực tiếp nước ngoài được các quốc gia trên thế giới xem là một chiến lược quan trọng nhằm tận dụng những ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường, lao động, tài nguyên thiên nhiên... của nhiều nước khác nhau nhằm tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế và khu vực.

Đối với Việt Nam, Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần rất quan trọng vào quá trình tăng trưởng với tốc độ cao của nền kinh tế, tạo nhiều thuận lợi cho quá trình Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá đất nước, xoá nghèo, tạo công ăn việc làm và thu hẹp khoảng cách kinh tế so với các nước trong khu vực. Do đó, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới đòi hỏi phải cải thiện nhanh chóng môi trường đầu tư, tìm ra mô hình kinh tế phù hợp để khuyến khích đầu tư trong nước, đẩy mạnh cạnh tranh, thu hút đầu tư nước ngoài, nắm bắt thời cơ đón nhận các luồng vốn đầu tư mới, đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư và tạo đà cho phát triển kinh tế.

Thừa Thiên Huế là tỉnh thuộc miền Bắc Trung Bộ, hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển kinh tế xã hội trong những năm qua đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn nhiều mặt hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của tỉnh. Để phát triển và trở thành thành phố trực thuộc trung ương, Thừa Thiên Huế cần có một lượng vốn đầu tư rất lớn, điều đó nói lên rằng vai trò của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế Thành phố Huế. Nhìn thấy được tầm quan trọng của nó nên Thành phố phải có những biện pháp và chính sách sử dụng, thu hút vốn FDI sao cho hiệu quả và hợp lý. Xuất phát từ những lý do trên trong thời gian thực tập tốt nghiệp tôi đã chọn nghiên cứu đề tài “*Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế trong giai đoạn 2011 - 2015*” để làm khóa luận tốt nghiệp đại học của mình.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu chung của đề tài là phân tích thực trạng thu hút VĐT trực tiếp nước ngoài vào Thành phố Huế, từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị để thu hút nhiều hơn nữa nguồn VĐT trực tiếp nước ngoài vào địa bàn.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

+ Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về vốn đầu tư và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

+ Phân tích tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế giai đoạn 2011 - 2015.

+ Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị để thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa bàn Thành phố Huế trong thời gian tới.

+ Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Huế.

## **3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu**

- **Đối tượng nghiên cứu:** Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của vào Thành phố Huế.

- **Phạm vi nghiên cứu:**

+ Về không gian: Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Về thời gian: Từ năm 2011 - 2015

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

### **4.1. Phương pháp điều tra, thu thập số liệu**

Việc thu thập số liệu được tiến hành qua hai bước. Trước hết là thu thập nguồn số liệu thứ cấp, sau đó thu thập số liệu sơ cấp thông qua điều tra.

- Nguồn số liệu thứ cấp, bao gồm: Tra cứu các giáo trình, các chính sách, các văn bản, các báo cáo tổng kết, các sách báo, và nguồn số liệu thống kê của các cấp, ban ngành có liên quan về thu hút vốn đầu tư tại tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và

của Thành phố Huế nói riêng. Sử dụng Website và các tạp chí, chuyên san, báo của các chuyên gia, nhà quản lý và tham khảo ý kiến của các doanh nghiệp liên quan đến đề tài.

- Nguồn số liệu sơ cấp: thông qua điều tra, phỏng vấn trực tiếp các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong địa bàn Thành phố Huế, các cán bộ quản lý và công tác trên địa bàn về lĩnh vực đầu tư vốn. Kết quả thu được 30 phiếu từ các doanh nghiệp tại Thành phố Huế và một số ý kiến đánh giá nhận xét của các cán bộ quản lý trong lĩnh vực đầu tư của Thành phố Huế. Nội dung điều tra theo phiếu điều tra (*Phụ lục 01*).

#### **4.2. Phương pháp thống kê**

Sử dụng các phương pháp phân tích thống kê như số tương đối, số tuyệt đối, tỷ trọng, số bình quân, phương pháp mô tả, phương pháp so sánh làm phương pháp luận cho nghiên cứu cả lý luận và thực tiễn và để xác định mối quan hệ giữa các nội dung nghiên cứu về vốn đầu tư, hình thức đầu tư, số lượng nhà đầu tư.

#### **4.3. Phương pháp xử lý số liệu**

Toàn bộ số liệu thứ cấp và điều tra được nhập và xử lý bằng phần mềm excel theo các chỉ tiêu nghiên cứu của đề tài.

## PHẦN II

### NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

##### 1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

###### 1.1.1. Tổng quan về vốn đầu tư

###### 1.1.1.1. Khái niệm vốn đầu tư

Vốn là yếu tố quan trọng nhất đối với sự tăng trưởng, phát triển của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Vốn đầu tư có thể được hiểu theo nhiều định nghĩa khác nhau:

Vốn đầu tư là tiền tích lũy của xã hội, của các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ, là tiền tiết kiệm của dân và vốn huy động từ các nguồn khác nhau như: liên doanh, liên kết hoặc tài trợ của nước ngoài nhằm tái sản xuất, mua sắm các tài sản cố định để duy trì hoạt động của các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, đổi mới và bổ sung các cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế, cho các ngành hoặc các cơ sở kinh doanh dịch vụ cũng như thực hiện các chi phí cần thiết, tạo điều kiện cho sự bắt đầu hoạt động của các cơ sở vật chất kỹ thuật mới được bổ sung đổi mới.

Theo một cách hiểu khác, Vốn đầu tư là một bộ phận của nguồn lực, biểu hiện dưới dạng giá trị của các tài sản quốc gia được thể hiện bằng các tài sản hữu hình và vô hình nhằm sử dụng vào mục đích đầu tư để sinh lợi.

###### 1.1.1.2. Đặc điểm của vốn đầu tư

- Thứ nhất, vốn phải được biểu hiện bằng giá trị của những tài sản, điều này có nghĩa là vốn phải đại diện cho một lượng giá trị có thực của tài sản (Tài sản hữu hình và tài sản vô hình).

- Thứ hai, vốn phải được vận động nhằm mục đích sinh lời.

- Thứ ba, bao giờ vốn cũng phải gắn liền với một chủ sở hữu nhất định, không có khái niệm vốn vô chủ.



- *Thứ tư*, trong nền kinh tế thị trường vốn là một loại hàng hóa đặc biệt. Người bán vốn không mất đi quyền sở hữu mà chỉ bán quyền sử dụng vốn mà thôi. Người mua nhận được quyền sử dụng vốn trong một thời gian nhất định và phải trả cho người bán vốn một tỷ lệ nhất định tính trên tổng số vốn đó, gọi là lãi suất. Như vậy, lãi suất chính là quyền sử dụng vốn.

- *Thứ năm*, đồng vốn có giá trị về mặt thời gian. Ở các thời điểm khác nhau thì giá trị của vốn cũng khác nhau. Bởi lẽ, đồng tiền càng trải dài theo thời gian thì nó càng bị mất giá và độ an toàn càng giảm.

- *Thứ sáu*, vốn phải được tích tụ và tập trung.

### **1.1.2. Khái niệm vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và đặc điểm của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài**

#### **1.1.2.1. Khái niệm FDI**

Đầu tư là tập hợp các hoạt động bỏ vốn và sử dụng vốn theo một chương trình đã được hoạch định trong một khoảng thời gian tương đối lâu dài nhằm thu được lợi ích lớn hơn cho các nhà đầu tư, cho xã hội và cho cộng đồng.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài được hiểu là sự di chuyển vốn quốc tế dưới hình thức vốn sản xuất thông qua việc nhà đầu tư ở một nước đưa vốn vào một nước khác để đầu tư, đồng thời tham gia quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất, tận dụng ưu thế về vốn, trình độ công nghệ, kinh nghiệm quản lý... nhằm tối đa hóa lợi ích cho mình.

Có nhiều định nghĩa khác nhau về đầu tư trực tiếp nước ngoài:

\* Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fund - IMF): “Đầu tư trực tiếp nước ngoài là đầu tư có lợi ích lâu dài của một doanh nghiệp tại một nước khác, không phải tại nước mà doanh nghiệp đang hoạt động với mục đích quản lý một cách có hiệu quả doanh nghiệp”.

\* Hoa Kỳ là một trong những nước tiếp nhận đầu tư và tiến hành đầu tư lớn nhất thế giới cũng đưa ra định nghĩa về FDI: “FDI là bất kỳ dòng vốn nào thuộc sở hữu đa phần của công dân hoặc công ty của nước đi đầu có được từ việc cho vay hoặc dùng để mua sở hữu của doanh nghiệp nước ngoài”.

\* Theo Ủy ban thương mại và phát triển của Liên hiệp quốc (UNCTAD): “Đầu tư trực tiếp nước ngoài là đầu tư có mối liên hệ, lợi ích và sự kiểm soát lâu dài của một pháp nhân hoặc thể nhân (nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài hoặc công ty mẹ) đối với một doanh nghiệp ở một nền kinh tế khác (doanh nghiệp FDI hoặc chi nhánh ở nước ngoài hoặc chi nhánh doanh nghiệp)”.

\* Quan điểm về FDI của Việt Nam theo qui định tại khoản 1, Điều 2 Luật đầu tư nước ngoài được sửa đổi, bổ sung năm 2000: “Đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư theo qui định của Luật này”, trong đó nhà đầu tư nước ngoài được hiểu là tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Qua một số định nghĩa về FDI, có thể rút ra định nghĩa về đầu tư trực tiếp nước ngoài như sau: Đầu tư trực tiếp nước ngoài là sự di chuyển vốn, tài sản, công nghệ hoặc bất kỳ tài sản nào từ nước đi đầu tư sang nước tiếp nhận đầu tư để thành lập hoặc kiểm soát doanh nghiệp nhằm mục đích kinh doanh có lãi.

#### *1.1.2.2. Đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài*

- Thứ nhất: Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một hình thức đầu tư mà các nhà đầu tư nước ngoài nghiên cứu rất cẩn thận trước khi đưa ra quyết định đầu tư, quyết định sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi. Hình thức đầu tư này thường mang tính khả thi và hiệu quả cao, không có những ràng buộc về mặt chính trị, không để lại gánh nặng nợ nần cho nước nhận đầu tư.

- Thứ 2: Nhà đầu tư tham gia điều hành hoạt động đầu tư. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh họ luôn phải theo dõi, chỉ đạo hoạt động đó, có thể mở rộng hoặc thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tùy theo điều kiện mà họ cho thuận lợi nhất.

- Thứ 3: Toàn bộ vốn đầu tư được tính bằng ngoại tệ. Đặc điểm này có liên quan đến vấn đề tỷ giá hối đoái và các chính sách tài chính tiền tệ của nước nhận đầu tư.

- Thứ 4: Nước nhận đầu tư tiếp nhận được công nghệ kỹ thuật tiên tiến, học hỏi kinh nghiệm quản lý hiện đại của nước ngoài thông qua các chương trình đào tạo, hoặc qua việc trực tiếp quản lý.

**1.1.2.3. Bản chất của đầu tư trực tiếp nước ngoài****\* Đối với nhà đầu tư**

- Khai thác và tận dụng các lợi thế so sánh như: nhân công rẻ, nguồn tài nguyên, vật liệu dồi dào, địa điểm tiêu thụ sản phẩm thuận lợi... nhằm giảm thiểu chi phí, tăng lợi nhuận.

- Tình hình bất ổn về chính trị, an ninh quốc gia, nạn tham nhũng... cũng là nguyên nhân khiến những người có tiền, nhà đầu tư chuyển vốn ra nước ngoài nhằm bảo toàn vốn, phòng chống các rủi ro khi có sự cố của tiền tệ, về kinh tế chính trị xảy ra trong nước hoặc dấu hiệu nguồn gốc bất chính.

- Là công cụ để các nhà đầu tư thực hiện chiến lược kinh doanh như mở rộng hoạt động kinh doanh ra quốc tế và trở thành các công ty xuyên quốc gia, tăng cường cạnh tranh và bành trướng mạnh mẽ chiếm lĩnh và chi phối thị trường thế giới.

- Đầu tư ra nước ngoài nhằm nắm được lâu dài và ổn định thị trường cung cấp nguyên liệu chiến lược với giá rẻ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong nước.

- Nhà đầu tư còn quan tâm tranh thủ chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi của nước tiếp nhận đầu tư để tăng lợi nhuận, mở rộng thêm thị phần và tăng sức cạnh tranh.

**\* Đối với nước nhận đầu tư**

- Là hình thức huy động nguồn lực bên ngoài để bù đắp thiếu hụt vốn đầu tư từ nội bộ mà không phải đi vay do các chủ thể nước ngoài tự nguyện bỏ vốn đầu tư, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Trong trường hợp một quốc gia đang thiếu vốn đầu tư phát triển phục vụ mục tiêu tăng trưởng thì ưu thế này có tầm quan trọng đặc biệt.

- Tạo ra các cơ sở sản xuất - kinh doanh có hiệu quả giúp tăng sản lượng, tăng nguồn thu thuế, giải quyết việc làm...

- Bù đắp thiếu hụt về ngoại tệ cần có để cân bằng cán cân thanh toán quốc tế.

- Là nguồn lực bổ sung từ bên ngoài và có thể được coi như là một lối thoát, nhằm tạo ra “cú hích” từ bên ngoài, phá vỡ “vòng luẩn quẩn của đói nghèo”, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa các nước, các địa phương.

- Tạo điều kiện tiếp thu công nghệ mới, khả năng quản lý và khả năng lao động tiên tiến và đáp ứng những yêu cầu của quá trình sản xuất phát triển kinh tế vừa giữ vững an ninh quốc phòng.

**1.1.2.4. Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài****\* Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài**

Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là doanh nghiệp thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (tổ chức hoặc cá nhân người nước ngoài bỏ ra toàn bộ 100% vốn) do nhà đầu tư nước ngoài thành lập tại nước chủ nhà, tự quản lý và tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh nhưng vẫn là pháp nhân của nước chủ nhà và chịu sự kiểm soát của luật pháp nước chủ nhà.

Đây là hình thức được các nhà đầu tư nước ngoài ưa thích nhất vì họ được toàn quyền trực tiếp quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hưởng lợi nhuận từ hoạt động đó mang lại.

**\* Doanh nghiệp liên doanh**

Là hình thức tổ chức kinh doanh quốc tế do hai bên hoặc nhiều các bên nước ngoài cùng hợp tác với nước chủ nhà trên cơ sở góp vốn, cùng kinh doanh, cùng hưởng lợi nhuận và chia sẻ rủi ro theo tỷ lệ góp vốn. Doanh nghiệp liên doanh được thành lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, có tư cách pháp nhân theo luật pháp của nước đầu tư.

Theo Luật đầu tư nước ngoài của Việt Nam “... Ở Việt Nam phần vốn góp của bên nước ngoài hoặc các bên nước ngoài vào vốn pháp định của doanh nghiệp liên doanh không bị hạn chế về mức cao nhất theo sự thỏa thuận của các bên, nhưng không dưới 30% vốn pháp định, trừ trường hợp do chính phủ quy định...”.

**\* Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Là hình thức liên kết kinh doanh giữa hai hay nhiều bên trên cơ sở quy định rõ trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh cho mỗi bên để tiến hành đầu tư kinh doanh mà không thành lập một pháp nhân.

Đối với hình thức này, các bên tham gia hợp đồng vẫn là những pháp nhân riêng biệt, thời hạn hợp đồng thường ngắn hạn. Vì vậy loại hình này thích hợp với các nhà đầu tư nước ngoài ích tiềm lực về vốn.

Ngoài ra theo nhu cầu đầu tư về cơ sở hạ tầng, các công trình xây dựng còn có các hình thức:

*\* Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT)*

Với hình thức BOT, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm tiến hành xây dựng, kinh doanh công trình trong một thời gian đủ để thu hồi vốn đầu tư và có lợi nhuận hợp lý. Sau khi dự án kết thúc, toàn bộ công trình sẽ được chuyển giao cho nước chủ nhà mà không được bồi hoàn một khoản tiền nào.

*\* Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)*

Đây là các dạng đầu tư được áp dụng đối với các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Đối với hình thức BT, sau khi xây dựng xong, chủ đầu tư chuyển giao công trình đó cho nước chủ nhà, nước chủ nhà sẽ tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án khác nhau để thu hồi đủ vốn đầu tư và có lợi nhuận hợp lý.

*\* Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO)*

Đối với hình thức BTO, sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình cho nước chủ nhà. Chính phủ nước chủ nhà giành cho nhà đầu tư quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định để thu hồi đủ vốn đầu tư và có một số tiền lợi nhuận hợp lý.

Theo nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế có hình thức đầu tư mới, mua lại và sát nhập nhưng còn ít phổ biến.

#### *1.1.2.5. Vai trò của việc thu hút FDI*

##### *1.1.2.5.1. FDI góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế*

Mục tiêu cơ bản trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của nước chủ nhà là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đối với nền kinh tế nói chung, vốn đầu tư được thực hiện ở một thời kỳ nhất định là nhân tố cơ bản duy trì sự phát triển. Xét trong dài hạn, khối lượng đầu tư ngày hôm nay sẽ quyết định khối lượng sản xuất, tốc độ tăng trưởng kinh tế, mức độ cải thiện đời sống trong tương lai. Mối quan hệ này được biểu hiện qua mô hình tăng trưởng nền kinh tế đơn giản sau đây của Harrod-Domar:

$$ICOR = \frac{I}{\Delta GDP} \quad (1)$$

Trong đó: ICOR : là tỷ lệ giữa vốn đầu tư và tăng trưởng kinh tế

I: vốn đầu tư

$\Delta$  GDP: mức tăng tổng sản phẩm quốc gia.

Từ (1) có thể chuyển đổi:  $I = ICOR \times \Delta GDP$  (2)

Như vậy, kết quả của quá trình thu hút vốn đầu tư sẽ làm gia tăng vốn sản xuất, tức tăng năng lực sản xuất nền kinh tế dưới dạng tài sản cố định và hàng tồn kho. Sự thay đổi này thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng tác động đến tổng cung của nền kinh tế. Theo (1), nếu hệ số đầu tư ICOR không đổi thì tốc độ tăng GDP sẽ phụ thuộc vào tổng vốn đầu tư xã hội.

#### *1.1.2.5.2. FDI tạo cơ hội mở rộng thị trường, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, thúc đẩy xuất khẩu phát triển*

FDI đóng vai trò quan trọng trong việc gắn kết giữa các quốc gia đi đầu tư và quốc gia nhận đầu tư, làm quá trình phân công lao động quốc tế diễn ra theo chiều sâu. Những cam kết về tự do hóa đầu tư nước ngoài được coi là quan điểm hội nhập kinh tế quốc tế của từng quốc gia. Cùng với hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các nước trên thế giới đã có nhiều hình thức áp đặt các cam kết nhằm tự do hóa lĩnh vực đầu tư. ĐTNN tạo điều kiện mở rộng quan hệ quốc tế theo hướng đa phương hóa và đa dạng hóa, thúc đẩy Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế khu vực thế giới, đẩy nhanh tiến trình tự do hóa thương mại đầu tư. Đến nay, Việt Nam là thành viên chính thức của ASEAN, APEC, ASEM và WTO.

Đồng thời, hoạt động FDI góp phần thúc đẩy các hoạt động xuất khẩu của nước tiếp nhận đầu tư thông qua xây dựng năng lực xuất khẩu và mở rộng thị trường xuất khẩu. Nhờ có đẩy mạnh xuất khẩu, những lợi thế so sánh của các yếu tố sản xuất được khai thác có hiệu quả hơn. Bởi thế, khuyến khích đầu tư hướng vào xuất khẩu luôn là ưu đãi đặc biệt trong chính sách thu hút đầu tư.

Ngoài ra, thu hút vốn đầu tư còn góp phần tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong việc cải thiện môi trường, chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ và giảm tỷ trọng các ngành nông nghiệp trong GDP.

#### *1.1.2.5.3. FDI góp phần nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ và chuyển giao công nghệ và trình độ quản lý hiện đại*

Đầu tư nước ngoài góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến vào Việt Nam, phát triển một số ngành kinh tế quan trọng của đất nước như: viễn thông, thăm dò và khai thác dầu khí, cơ khí chế tạo điện tử, tin học, hóa chất, ô tô, xe máy...

Nhìn chung, trình độ công nghệ của khu vực ĐTNN cao hơn hoặc bằng các thiết bị tiên tiến đã có trong nước và tương đương các nước trong khu vực. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trình độ công nghệ cao hơn sẽ có tác dụng thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, các nước tiếp nhận đầu tư, đặc biệt là những nước đang phát triển cần phải cân nhắc và có trình độ nhất định khi tiếp nhận công nghệ bởi vì công nghệ các nước phát triển luôn thay đổi. Nếu không cân nhắc kỹ lưỡng thì sẽ nhập phải những công nghệ cũ và lạc hậu, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, dễ trở thành bãi rác công nghệ cho các nước phát triển. Thông qua hoạt động của các dự án FDI, tri thức khoa học, chiến lược, bí quyết kinh doanh, công tác tuyển dụng nhân viên, bí quyết quản lý, kỹ năng tiếp cận thị trường, quản lý nhân sự và điều hành sản xuất được truyền đạt cho lao động quản lý làm việc trong doanh nghiệp, bằng hình thức đào tạo hoặc họ tự đúc rút kinh nghiệm, bắt chước.

#### *1.1.2.5.4. FDI góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

Các dự án FDI có quy mô đầu tư lớn, sử dụng nhiều lao động trực tiếp và gián tiếp, nó bắt buộc người lao động phải tự tin tìm tòi, học hỏi và thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, kỹ năng sản xuất, để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của nhà đầu tư và để ứng dụng những công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất vào sản xuất. Điều này có ý nghĩa nhất đối với các nước đang phát triển ở Châu Á và có nguồn lao động dồi dào, như Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan... có thể phát huy lợi thế so sánh, tạo nhiều việc làm, nhất là trong lĩnh vực chế biến hàng tiêu dùng, hàng dệt may xuất khẩu, góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến nay, khu vực có vốn ĐTNN đã tạo ra việc làm cho trên 1,2 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp khác, góp phần nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống một bộ phận trong cộng đồng dân cư, đưa mức GDP đầu người tăng lên hàng năm. Ngoài ra, các dự án FDI đòi hỏi tính kỷ luật cao trong lao động, rèn luyện tác phong công nghiệp cho người lao động, làm cho chất lượng nguồn nhân lực của nước nhận đầu tư được nâng cao.

Hoạt động của các doanh nghiệp có vốn FDI tại Việt Nam cũng đã thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước không ngừng đổi mới công nghệ, phương thức quản lý để nâng cao hơn chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ trên thị trường trong nước và quốc tế. Đặc biệt, một số chuyên gia Việt Nam làm việc tại các doanh nghiệp có vốn ĐTNN đã dần dần thay thế các chuyên gia nước ngoài trong đảm nhiệm các vị trí quản lý doanh nghiệp cũng như điều khiển các quy trình công nghệ hiện đại.

#### *1.1.2.5.5. FDI thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Thu hút vốn đầu tư có vai trò quyết định đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các quốc gia, bao gồm cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ và cơ cấu sở hữu. FDI làm thay đổi cơ cấu kinh tế ngành của nước tiếp nhận đầu tư:

\* Thay đổi cơ cấu bên trong một ngành sản xuất, ví dụ ngành công nghiệp, nông nghiệp hoặc dịch vụ thông qua quá trình chuyển đổi từ năng suất thấp, công nghệ lạc hậu, lao động nhiều sang sản xuất có năng suất cao, công nghệ hiện đại, sử dụng lao động ít.

\* Thay đổi cơ cấu ngành của nước tiếp nhận đầu tư: Chuyển đổi ngành từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

\* Thay đổi cơ cấu bên trong của một lĩnh vực sản xuất ví dụ ngành sản xuất xe ô tô hoặc máy tính... thông qua quá trình chuyển đổi từ việc áp dụng công nghệ lạc hậu, giá trị hàng hóa và dịch vụ có hàm lượng công nghệ thấp sang thành công nghệ tiên tiến, giá trị hàng hóa có hàm lượng khoa học công nghệ cao.

#### *1.1.2.6. Những nhân tố ảnh hưởng khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Đầu tư nước ngoài là một hoạt động kinh tế có vai trò lớn đối với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển. Tuy nhiên, việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lại chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố chủ quan và khách quan.

##### *1.1.2.6.1. Môi trường chính trị*

Có thể nói, ổn định chính trị là nhân tố hấp dẫn hàng đầu đối với các nhà đầu tư. Yếu tố rất quan trọng với các nhà đầu tư nước ngoài. Bởi vì, tình hình chính trị ổn định là điều kiện tiên quyết để đảm bảo các cam kết của chính phủ đối với các nhà đầu



tư về sở hữu đầu tư các chính sách ưu tiên đầu tư và định hướng phát triển của nước nhận đầu tư. Đồng thời ổn định chính trị còn là điều kiện thiết yếu để duy trì sự ổn định về tình hình kinh tế - xã hội. Đây là nhân tố quan trọng tác động đến tính rủi ro của các hoạt động đầu tư.

Ngoài sự ổn định về chính trị, các nhà đầu tư còn quan tâm đến trật tự an toàn xã hội vì nó sẽ ảnh hưởng nhiều đến độ an toàn cho cá nhân cũng như gia đình của nhà đầu tư nước ngoài.

Qua thực tiễn cho thấy, nơi nào có sự ổn định về chính trị và môi trường xã hội tốt thì nơi đó có khả năng thu hút FDI cao hơn. Chúng ta có thể nhận ra rằng, hiện nay các nguồn FDI được tập trung nhiều ở các nước đang phát triển của Châu Á như Malaixia, Singapore... còn ở Châu Phi thì các nhà đầu tư ít quan tâm vì ở đó tình hình chính trị không ổn định, nội chiến giữa các phe phái, các nhóm lực lượng vũ trang khác triển miên.

#### *1.1.2.6.2. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên*

Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên bao gồm các yếu tố về khoảng cách, địa điểm, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, dân số... Đây là những yếu tố tác động quan trọng đến tính sinh lợi hoặc rủi ro của các dự án đầu tư. Nếu vị trí thuận lợi thì khoảng cách giữa nơi sản xuất và nơi tiêu thụ sẽ được rút ngắn, chi phí vận chuyển thấp, giảm được giá thành và hạn chế rủi ro.

Mặt khác nếu điều kiện tự nhiên, xã hội thuận lợi sẽ cung cấp yếu tố đầu vào phong phú và giá rẻ cho các nhà đầu tư. Một nước sẽ hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài nếu có khoáng sản dồi dào với trữ lượng lớn, dân số đông với giá thuê lao động thấp tương đối so với chính quốc. Quy mô dân số không chỉ có lợi thế về cung cấp nguồn lao động mà đây là thị trường tiêu thụ tiềm năng đối với các nhà đầu tư.

Khí hậu với các đặc điểm về thời tiết, độ ẩm, bão lũ... của nước tiếp nhận đầu tư cũng là yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định đầu tư. Nếu khí hậu quá khắc nghiệt sẽ ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của họ, khả năng rủi ro trong đầu tư rất lớn.

**1.1.2.6.3. Chính sách pháp luật**

Vì quá trình đầu tư có liên quan đến rất nhiều các hoạt động của các tổ chức, cá nhân và được tiến hành trong khoảng thời gian dài, ở nơi xa lạ nên các nhà đầu tư nước ngoài rất cần môi trường pháp lý vững chắc, có hiệu lực. Môi trường này bao gồm một hệ thống đầy đủ các chính sách, quy định cần thiết, đảm bảo sự nhất quán, không mâu thuẫn chồng chéo với nhau và có hiệu lực trong thực hiện. Các nhà đầu tư nước ngoài luôn tôn trọng các quy định về chính sách - luật pháp của nước nhận đầu tư.

Các hoạt động đầu tư nước ngoài chịu tác động bởi nhiều chính sách của nước chủ nhà, trong đó có các chính sách tác động trực tiếp như: quy định về lĩnh vực đầu tư, mức sở hữu của nước ngoài, miễn giảm thuế đầu tư, quy định các tỷ lệ xuất khẩu, tư nhân hoá, cạnh tranh, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ... và các chính sách có ảnh hưởng gián tiếp như: chính sách về tài chính, tiền tệ thương mại, văn hoá - xã hội, an ninh đối ngoại... Mức độ đầy đủ và hợp lý của các chính sách này có ảnh hưởng mạnh đến dòng vốn đầu tư vào nước chủ nhà.

**1.1.2.6.4. Cơ sở hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ**

Sự phát triển của cơ sở hạ tầng và dịch vụ sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi giảm thiểu những chi phí phát sinh cho các hoạt động đầu tư làm tăng hiệu quả của các dự án đầu tư. Cơ sở hạ tầng bao gồm các yếu tố như hệ thống đường giao thông, sân bay, cảng biển, viễn thông... Đây là các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận hành các hoạt động kinh doanh và điều kiện sống của các nhà đầu tư.

**1.1.2.6.5 Đặc điểm văn hóa - xã hội**

Đây là yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động ĐTNN. Nó bao gồm các yếu tố chủ yếu về ngôn ngữ, tôn giáo, giá trị đạo đức và tinh thần dân tộc, phong tục tập quán, thị hiếu thẩm mỹ và giáo dục. Các yếu tố này có thể là những cản trở, kiềm hãm hoặc khuyến khích các hoạt động đầu tư nước ngoài.

Tôn giáo là một thành tố quan trọng của nền văn hóa, mỗi tôn giáo có cái nhìn khác nhau về giá trị đạo đức cá nhân và xã hội. Đặc điểm khác nhau này đã tạo ra những rào cản trong giao lưu giữa các nền văn hóa. Giá trị tinh thần dân tộc của nước

sở tại cũng ảnh hưởng đến thu hút đầu tư nước ngoài. Mỗi nền kinh tế có đặc trưng riêng về thị hiếu, thẩm mỹ, có cách nhìn riêng về cái đẹp trong màu sắc, hình thái, âm nhạc... Các đặc điểm này ảnh hưởng đến thiết kế nhãn hiệu, quảng cáo và kiểu dáng sản phẩm.

Như vậy có thể nói môi trường đầu tư được coi là thuận lợi nếu các yếu tố trên tạo được sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Mức độ thuận lợi của môi trường đầu tư sẽ tạo ra cơ hội đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, sự thành công của các nhà đầu tư luôn gắn với việc nắm bắt đúng các cơ hội đầu tư.

### **1.1.3. Chính sách thu hút FDI**

#### **1.1.3.1. Khái niệm chính sách thu hút FDI**

Chính sách là tổng thể các tư tưởng, quan điểm công cụ mà chủ thể quản lý sử dụng để tác động lên đối tượng và khách thể quản lý nhằm thực hiện các mục tiêu nhất định của hệ thống theo định hướng mục tiêu tổng thể. Chính sách xác định những chỉ dẫn chung cho quá trình ra quyết định. Chúng vạch ra phạm vi hay giới hạn cho phép của các quyết định, nhắc nhở các nhà quản lý những quyết định nào là có thể và những quyết định nào là không thể. Bằng cách đó các chính sách đề xướng suy nghĩ và hành động của mọi thành viên trong tổ chức vào thực hiện các mục tiêu chung của tổ chức.

#### **1.1.3.2. Nội dung chính sách thu hút FDI**

Là một trong những công cụ quản lý quan trọng của Nhà nước, các chính sách thu hút vốn đầu tư có vai trò hết sức to lớn đóng góp cho sự tăng trưởng chung của đất nước. Một số nội dung quan trọng của chính sách như sau:

- Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước lớn và đặc biệt các nước trong khu vực. Có thể xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với các nước nhưng không nên lệ thuộc quá nhiều vào các nước đối tác dẫn đến tình trạng nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào nước đầu tư.

- Tạo được môi trường đầu tư thông thoáng, thủ tục đầu tư nhanh chóng không rườm rà gây cản trở cho các đầu tư nước ngoài cũng như các nhà đầu tư trong nước trong việc thực thi các dự án. Tích cực phòng chống tham nhũng hiệu quả, tạo môi trường pháp luật cho các nhà đầu tư khi đầu tư trong nước.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực để nguồn đầu tư của các tổ chức vào trong nước có hiệu quả cao. Từ đó mới tạo được sự tin tưởng của các nhà đầu tư vào lao động có tay nghề cao trong nước.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội. Việc quy hoạch tổng thể cần được minh bạch và công khai để các nhà đầu tư biết được rõ ràng yên tâm đầu tư vào các khu vực trong nước.

- Nâng cao cơ sở hạ tầng của đất nước, bên cạnh đó tạo môi trường trong sạch, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các lĩnh vực hiện tại có khả năng thu hút cao như các ngành công nghiệp, dịch vụ.

#### ***1.1.4. Các chỉ tiêu đánh giá mức độ thu hút vốn đầu tư vào khu kinh tế***

Để đánh giá mức độ thu hút vốn đầu tư, chúng ta cần phải xây dựng một số chỉ tiêu nhằm lượng hóa các quá trình và kết quả đầu tư trong một khu vực. Các chỉ tiêu phản ánh thu hút vốn đầu tư là cơ sở phân tích ở các phần tiếp theo.

##### ***1.1.4.1. Mức độ thu hút vốn đầu tư trong toàn Tỉnh***

- Tỷ trọng vốn đầu tư: Là tỷ lệ phần trăm giữa vốn đầu tư của khu vực trên tổng vốn đầu tư vào trong Tỉnh. Đây là chỉ tiêu phản ánh mức độ tập trung vốn đầu tư vào khu vực nghiên cứu.

- Tỷ trọng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Là tỷ lệ phần trăm giữa vốn đầu tư trực tiếp của khu vực trên tổng vốn đầu tư vào trong Tỉnh. Đây là chỉ tiêu phản ánh sức hấp dẫn của các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, thể hiện được lợi thế so sánh của địa phương trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

##### ***1.1.4.2. Mức độ thu hút vốn đầu tư của Thành phố***

- Tỷ trọng thu hút vốn của Thành phố: là tỷ trọng thu hút vốn đầu tư của khu vực nghiên cứu với các khu vực khác trong Tỉnh. Đây là chỉ tiêu phản ánh tính hấp dẫn của khu vực nghiên cứu so với các khu vực khác trong Tỉnh.

- Tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài so với tổng vốn đầu tư trên toàn Thành Phố. Đây là chỉ tiêu phản ánh khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài của khu vực nghiên cứu so với các nguồn vốn đầu tư khác.

**1.1.4.3. Quy mô dự án đầu tư**

Quy mô dự án có tính chất quan trọng trong các dự án đầu tư. Quy mô dự án quyết định đến chất lượng vốn đầu tư sử dụng trong dự án, quyết định tính chất lớn nhỏ của dự án.

Quy mô dự án càng lớn thì quá trình sử dụng lao động, quản lý dự án cũng lớn và ngược lại. Nếu dự án có quy mô quá nhỏ không đem lại nhiều lợi ích cho nhân dân có thể Nhà nước hoặc cơ quan chính quyền tỉnh sẽ không cho thực hiện.

**1.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN**

**1.2.1. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam**

**1.2.1.1. Về quy mô dự án theo hình thức đầu tư**

Nhìn chung các dự án FDI vào Việt Nam đều có quy mô vừa và nhỏ, trung bình từ giai đoạn 1988 đến 2015 ở mức 14,35 triệu USD/dự án. Quy mô dự án có tính chất quan trọng trong các dự án đầu tư.

**Bảng 1: Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 1988 - 2015**

STT	Hình thức đầu tư	Số dự án (dự án)	Tổng vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)
1	100% vốn nước ngoài	17.331	208.728,2
2	Liên doanh	3.636	76.738,3
3	HỢP ĐỒNG BOT,BT,BTO	14	9.208,6
4	Hợp đồng hợp tác KD	219	6.139,1
5	Công ty cổ phần	196	6.041,1
6	Công ty mẹ con	1	98,0
	<b>Tổng số</b>	<b>21.397</b>	<b>306.953,3</b>

(Nguồn: Website của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư năm 2015).

Nhìn chung các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam chủ yếu 6 hình thức, trong đó hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài chiếm ưu thế về số lượng dự án lẫn tổng

vốn đăng kí đầu tư, chiếm khoảng 81% số dự án và hơn 50% tổng vốn đăng ký. Hình thức liên doanh chiếm khoảng 17% tổng dự án, còn lại là dự án BOT và hợp đồng kinh doanh.

*1.2.1.2. Về cơ cấu đầu tư theo ngành*

**Bảng 2: Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 1988 - 2015**

STT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)
1	CN chế biến, chế tạo	10612	157.806,7
2	KD bất động sản	388	54.419,7
3	Dvụ lưu trú và ăn uống	451	21.747,6
4	Xây dựng	2366	20.565,9
5	SX, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	108	9.777,6
6	Thông tin và truyền thông	1098	8.809,5
7	Nghệ thuật và giải trí	210	5.279,6
8	Vận tải kho bãi	470	5.089,3
9	Nông, lâm nghiệp; thủy sản	641	4.757,8
10	Khai khoáng	96	4.635,0
11	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa	1102	4.205,3
12	Tài chính ngân hàng, bảo hiểm	187	2.547,7
13	Cấp nước, xử lý chất thải	76	1.798,7
14	Y tế và trợ giúp XH	198	1.780,3
15	HĐ chuyên môn, KHCN	2636	1.605,4
16	Dịch vụ khác	221	1.372,1
17	Giáo dục và đào tạo	323	702,9
18	Hành chính và dvụ hỗ trợ	224	52,2
	Tổng số	21.397	306.953,3

(Nguồn: Website của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư năm 2015).

FDI tập trung chủ yếu vào các ngành như ngành công nghiệp chế tạo, kinh doanh bất động sản, xây dựng, dịch vụ lưu trú và ăn uống, thông tin và truyền thông... Tính đến tháng 31/12/2015 tổng số vốn FDI đăng ký đạt xấp xỉ 307 tỷ USD, trong đó công nghiệp đạt 157,8 tỷ USD (chiếm 51,4%), ngành xây dựng đạt 20,6 tỷ USD (chiếm 4,7%), ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ đạt 4,8 tỷ USD (chiếm 1,5%), các ngành và dịch khác vụ đạt 123,8 tỷ USD (chiếm 42,4%). Con số này phù hợp với chiến lược phát triển của cả nước theo hướng CNH - HĐH.

### 1.2.1.3. Về cơ cấu đầu tư theo địa bàn

Cho đến nay FDI có mặt ở 63/64 tỉnh thành phố ở Việt Nam. Tuy nhiên mức độ đầu tư thay đổi theo vùng rất chậm. Phần lớn các dự án FDI tập trung vào các đô thị lớn và khu công nghiệp tập trung, nơi có điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi, nguồn lao động dồi dào và có trình độ kỹ năng cao.

**Bảng 3: Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở một số tỉnh thành giai đoạn 1988 - 2015**

STT	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (Triệu USD)
1	TP Hồ Chí Minh	5765	42.875,8
2	Hà Nội	3314	24.447,1
3	Bình Dương	2568	22.886,4
4	Đồng Nai	1255	22.113,2
5	Hải Phòng	502	11.993,8
6	Thanh Hóa	62	11.576,0
7	Phú Yên	40	4.531,2
8	Đà Nẵng	351	3.769,3

(Nguồn: Website của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư năm 2015).

**1.2.1.4. Theo các đối tác đầu tư**

Cho đến nay đã có hơn 100 nước và vùng lãnh thổ có dự án FDI tại Việt Nam, trong đó Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông, Hoa Kỳ là những nhà đầu tư lớn nhất, chiếm 61,65 % tổng số dự án và chiếm 57,7% tổng vốn đăng ký.

**Bảng 4: Các đối tác đầu tư lớn nhất vào Việt Nam giai đoạn 1988 - 2015**

<b>TT</b>	<b>Đối tác đầu tư</b>	<b>Số dự án</b>	<b>Tổng vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)</b>
1	Hàn Quốc	4892	44.446,3
2	Nhật Bản	2730	37.909,0
3	Singapore	1462	33.456,0
4	Đài Loan	2490	29.568,5
5	BritishVirginIslands	570	19.321,3
6	Hồng Kông	912	17.723,0
7	Hoa Kỳ	705	14.300,0
8	Malaysia	511	13.335,7
9	Trung Quốc	1125	8.150,9
10	Thái Lan	409	7.013,7

(Nguồn: Website của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư năm 2015).

**1.2.2. Những bài học kinh nghiệm về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài**

**1.2.2.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực**

Nguồn vốn nước ngoài đầu tư trực tiếp (FDI) có vai trò then chốt để thực hiện công nghiệp hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của mọi quốc gia. Theo nhiều cuộc khảo sát, các quốc gia Trung Quốc, Singapore, Thái Lan là các quốc gia liên tục đứng vị trí cao trong bảng xếp hạng những quốc gia thu hút vốn FDI đứng đầu khu vực Châu Á.

**1.2.2.1.1 Trung Quốc**



Từ 1978 đến nay, FDI được coi là “chìa khóa vàng” trong tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Trung Quốc đã tận dụng được FDI để cải cách cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp, hiện đại hóa đất nước, rút ngắn khoảng cách với thế giới về khoa học - công nghệ, thúc đẩy cải cách hệ thống kinh tế và hội nhập kinh tế thế giới, nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế.

Bài học kinh nghiệm từ thực tế Trung Quốc trong thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài cho thấy:

- \* Xây dựng mặt bằng pháp lý thống nhất cho doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài phù hợp với thông lệ quốc tế.

- \* Công bố rộng rãi và tập trung hướng dẫn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các ngành được khuyến khích phát triển.

- \* Các dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghệ cao sẽ được ưu đãi về thuế, các dự án đầu tư vào các vùng kinh tế khó khăn như miền Tây, miền Trung sẽ được thuê đất miễn phí, miễn thuế thu nhập trong vòng 10 năm...

- \* Thực hiện phân cấp, phân quyền, nâng cao quyền hạn nhiều hơn cho các tỉnh, thành phố, khu tự trị trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp FDI.

- \* Huy động mọi nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm tạo môi trường hấp dẫn và dễ dàng cho các nhà đầu tư khi hoạt động trên đất nước mình.

- \* Chú trọng giáo dục đại học, số lượng người tốt nghiệp đại học ở nước này chỉ sau Mỹ.

#### *1.2.2.1.2. Thái Lan*

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một trong những yếu tố góp phần thúc đẩy nền kinh tế Thái Lan trở thành “ngôi sao” mới của khu vực Đông Á. Để có thể triển khai các dự án đầu tư nhanh, thuận lợi và hiệu quả, Chính phủ Thái Lan đã rất khéo léo trong việc kết hợp các chính sách phù hợp.

- Đơn giản hóa thủ tục, quy trình đầu tư: Thủ tục đầu tư ở nước này đều là thủ tục một cửa đơn giản, với những hướng dẫn cụ thể tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, có *Luật xúc tiến thương mại* quy định rõ ràng cơ quan nào, ngành nào có nhiệm vụ gì trong việc xúc tiến đầu tư.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm đến 8 năm, miễn thuế nhập khẩu 90% đối với nguyên liệu, 50% đối với máy móc mà Thái Lan chưa sản xuất được.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và công khai các kế hoạch phát triển kinh tế đất nước từng giai đoạn, ngắn và trung hạn.

- Các chính sách ưu đãi về dịch vụ như giảm giá thuê nhà đất, văn phòng, cước viễn thông, vận tải... Giá dịch vụ ở Thái Lan thuộc loại hấp dẫn nhất với việc thu hút FDI.

- Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng: hệ thống đường bộ, đường sắt, hệ thống sân bay, bến cảng, khu công nghiệp, kho bãi hiện đại, thuận lợi cho phát triển kinh tế và du lịch. Nước nào cũng xây dựng thành công hệ thống viễn thông, bưu điện, mạng internet thông suốt cả nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh quốc tế.

### *1.2.2.2. Kinh nghiệm của một địa phương trong nước*

#### *1.2.2.2.1 Thành phố Hồ Chí Minh*

Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang dẫn đầu cả nước về thu hút FDI. Đến hết năm 2015, Thành phố có 7284 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký lên đến 53.855,8 triệu USD. Về cơ cấu đầu tư, các dự án FDI tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp. Nguồn vốn FDI đã góp phần quan trọng bổ sung nguồn vốn trong nước và trở thành động lực, tạo ra “cú hích” cho tăng trưởng và chuyển dịch kinh tế của TP.Hồ Chí Minh.

Có được những thành công trên là nhờ chính quyền Thành phố đã thực hiện những chính sách phù hợp thể hiện:

- Vận dụng hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách của Nhà nước liên quan đến ĐTTTNN năng động, sáng tạo, chính quyền tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, thực hiện nhất quán, đồng bộ Luật Đầu tư cùng thủ tục gọn nhẹ.

- Hoàn thiện quy hoạch chi tiết sử dụng đất đồng thời đẩy mạnh công tác đền bù, giải tỏa, ban hành quy định thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân quá thời hạn không khai thác để giao cho các nhà đầu tư có tiềm năng.

- Thành phố có những lợi thế về hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện với hệ thống cảng, sân bay, đường bộ; nguồn cung cấp nhân lực theo yêu cầu, công nghiệp phụ trợ sẵn sàng...

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư, lãnh đạo TP còn bố trí những cuộc gặp gỡ thường xuyên với các doanh nghiệp để lắng nghe nguyện vọng và tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Trung tâm xúc tiến đầu tư và thương mại, chịu trách nhiệm hướng dẫn các nhà đầu tư tìm kiếm cơ chế, chính sách, quy hoạch, giá thị trường... giúp nhà đầu tư thêm khả năng tìm kiếm về đầu tư và kinh doanh ở Thành phố.

#### *1.2.2.2.2. Thành phố Đà Nẵng*

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài ở Đà Nẵng tập trung chủ yếu trong các ngành sản xuất công nghiệp, du lịch, dịch vụ và nuôi trồng, chế biến nông lâm thủy sản. Trong giai đoạn 2005 - 2010, GDP của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Đà Nẵng chiếm khoảng 10% tổng GDP của thành phố. Như vậy, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Đà Nẵng chưa có ảnh hưởng lớn trong việc đóng góp tăng trưởng kinh tế của Thành phố.

- Chính sách ưu đãi FDI của Đà Nẵng quy định dễ hiểu, dễ áp dụng đối với các dự án đầu tư nước ngoài và dễ thu hút sự chú ý đối với các nhà đầu tư. Chẳng hạn, địa bàn ưu đãi đầu tư được chia theo 5 khu vực: Khu vực trung tâm, cận trung tâm, du lịch ven biển, miền núi, KCN. Về ngành nghề khuyến khích ưu đãi đầu tư thì thành phố không quy định thêm ngành nghề (tránh sự nhầm lẫn là chỉ khuyến khích đầu tư các ngành nghề được thành phố quy định thêm), mà thực hiện theo quy định của Chính phủ, có phân biệt dự án sản xuất và dự án thương mại dịch vụ.

- Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong cả nước mở chi nhánh, văn phòng đại diện, kho trung chuyển tại Đà Nẵng. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội tiếp cận môi trường đầu tư tại Đà Nẵng. Đồng thời tạo điều kiện để khuyến khích phát triển sản xuất, tiêu thụ hàng hoá làm cho môi trường đầu tư trở nên sôi động hơn.

- Kết quả và kinh nghiệm trong hoạt động thu hút và triển khai các dự án FDI của các địa phương trên đã có tác dụng thiết thực đối với Thừa Thiên Huế trong việc tổ chức thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

**1.2.2.3. Bài học kinh nghiệm cho Thành phố Huế**

- Sự quan tâm chỉ đạo của tỉnh, thành phố cũng như sự hỗ trợ, phối hợp, ủng hộ tích cực của các sở, ngành liên quan trong triển khai thực hiện các chính sách thu hút kêu gọi đầu tư trong nước và nước ngoài tại thành phố Huế.

- Phát huy sự năng động, sáng tạo, linh hoạt của đội ngũ cán bộ quản lý nhất là đội ngũ tham mưu ban hành và thực hiện các chính sách của địa phương trong việc phát triển thành phố Huế như việc đề xuất điều chỉnh quy hoạch từ thực tế phát triển; xây dựng và đề ra các giải pháp tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển Thành phố Huế như phát hành trái phiếu địa phương, nguồn hỗ trợ từ các nhà đầu tư; điều chỉnh việc triển khai chiến lược xúc tiến đầu tư phù hợp với đặc điểm, tình hình phát triển của từng giai đoạn, từng thời kì phát triển của Thành phố Huế...

- Kiên trì, tranh thủ tìm kiếm tối đa các cơ hội tiếp cận các nhà đầu tư thông qua các kênh xúc tiến đầu tư, cơ quan ngoại giao, các nhà đầu tư đang thực hiện đầu tư thành công tại địa phương trong bối cảnh Thành phố Huế rơi vào giai đoạn gặp nhiều khó khăn, thách thức.

- Xác định các dự án động lực cho sự phát triển lan tỏa của Thành phố Huế để tập trung thu hút đầu tư, thúc đẩy dự án, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng để dự án sớm hoàn thành đưa vào hoạt động, tạo được sức hút cho các dự án mới vào thành phố.

- Thủ tục hành chính đối với các nhà đầu tư phải đơn giản, dễ thực hiện, công khai, nhất là triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa tại chỗ trong việc thực hiện thủ tục cho nhà đầu tư để thời gian triển khai dự án ngắn nhất, đưa dự án đi vào hoạt động sớm nhất, hạn chế tình trạng nhũng nhiễu, cản trở doanh nghiệp, nhà đầu tư.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ HUẾ

#### 2.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI của Tỉnh Thừa Thiên Huế

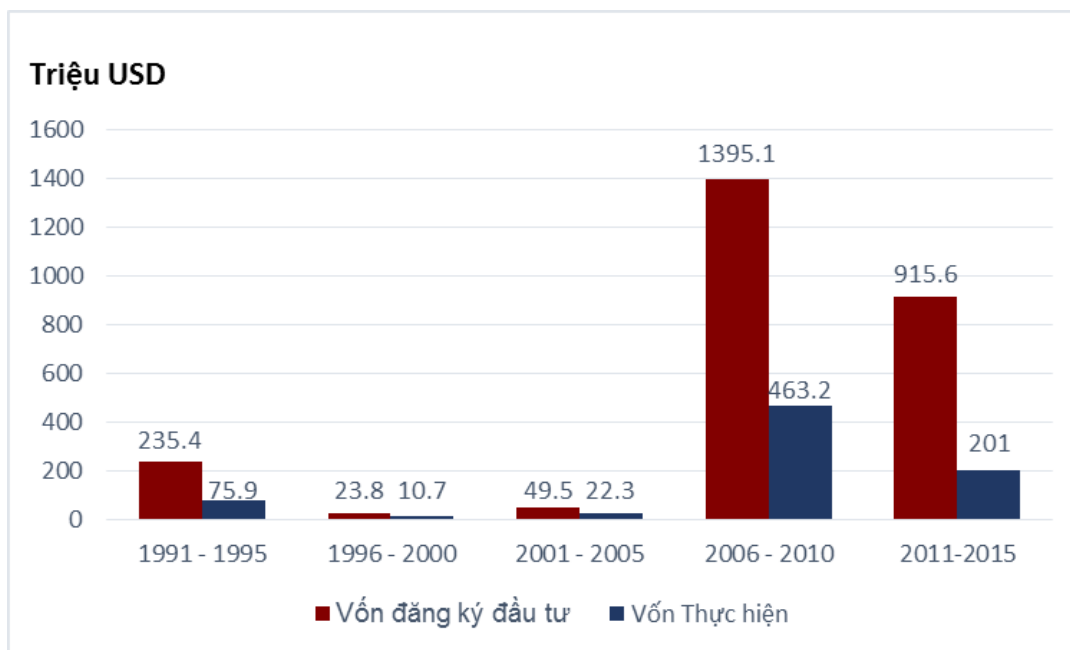
Tính đến nay, tỉnh Thừa Thiên Huế có 85 dự án đang hoạt động với tổng vốn đăng ký khoảng 2.619,4 triệu USD được xếp thứ 21 so với cả nước, trong đó vốn đầu tư thực hiện 849,3 triệu USD. Tính năm 2015 tỉnh cấp mới được 9 dự án với số vốn đầu tư đăng ký 451,83 triệu USD. Trong đó, các dự án tập trung chủ yếu vào lĩnh vực du lịch – dịch vụ thu hút được 21 dự án đầu tư chiếm 67,70% tổng vốn đầu tư đăng ký; công nghiệp và xây dựng có 37 dự án chiếm 27,01% tổng vốn đăng ký; nông lâm ngư nghiệp có 05 dự án chiếm 3,96% tổng vốn đăng ký. Cơ cấu vốn ĐTNN chuyển dịch phù hợp định hướng cơ cấu kinh tế của Tỉnh là ưu tiên phát triển dịch vụ - công nghiệp và xây dựng - nông, lâm và thủy sản.

**Bảng 5: Tình hình thực hiện vốn FDI qua các thời kỳ của Tỉnh Thừa Thiên Huế**

*Đơn vị: Triệu USD*

Thời kì	Số dự án	Vốn đăng ký đầu tư	Quy mô trung bình của dự án	Vốn thực hiện	Vốn TH/ Vốn ĐK (%)
1991 - 1995	4	235,4	58,85	75,9	32,24
1996 - 2000	3	23,8	7,93	10,7	44,96
2001 - 2005	10	49,5	4,95	22,3	45,05
2006 - 2010	40	1.395,1	34,88	463,2	33,20
2011 - 2015	28	915,6	32,7	201,0	21,95
Tổng cộng	85	2.619,4	30,82	773,1	29,51

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015).



**Hình 2.1. Vốn đăng ký đầu tư và thực hiện qua các thời kỳ của Tỉnh Thừa Thiên Huế**

Qua các thời kì, mặc dù thời kì 1991 – 1995 có ít dự án là 04 dự án nhưng lại thu hút được số vốn đăng ký tương đối cao là 235,357 triệu USD, quy mô bình quân một dự án cao nhất là 58,84 triệu USD/dự án; giai đoạn 2001 - 2005 là thu hút được 10 dự án FDI với số vốn đăng ký tương đối thấp là 49,453 triệu USD chiếm 11,76% số dự án và chỉ chiếm 1,89% tổng vốn đăng ký FDI toàn tỉnh. Giai đoạn 2006 - 2010 là giai đoạn thu hút được nhiều dự án nhất là 40 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 1.395,1 triệu USD, chiếm 53,26% tổng vốn đầu tư toàn tỉnh. Giai đoạn 2011 - 2015 thu hút được 28 dự án với tổng số vốn đăng ký là 915,6 triệu USD, giảm 34,37% so với giai đoạn 2006 - 2010 và bằng 34,95% so với tổng số vốn đăng ký cho cả thời kỳ 1991 - 2015.

**Bảng 6: Tổng hợp đầu tư trực tiếp nước ngoài khu vực Bắc Trung Bộ**

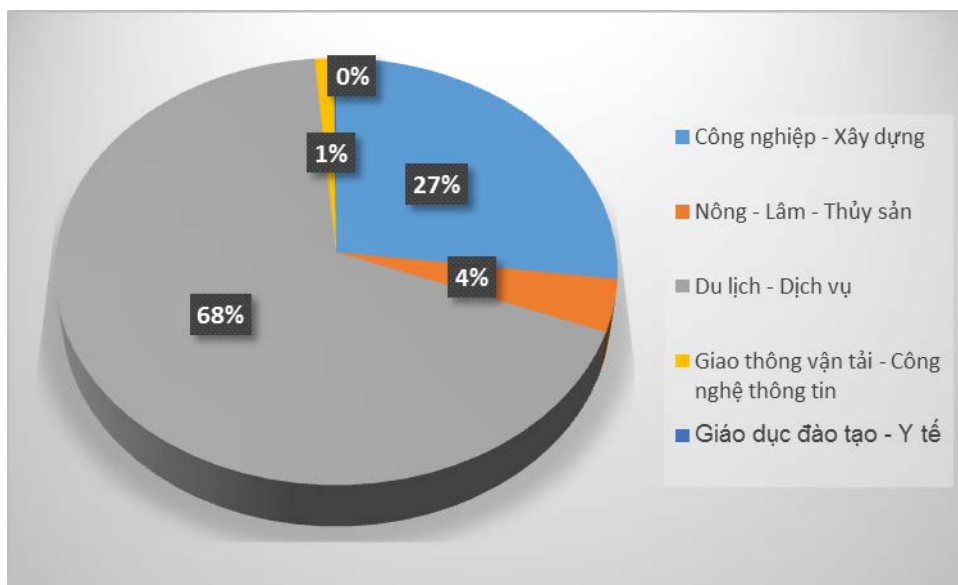
STT	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (Triệu USD)
1	Hà Tĩnh	68	11.380,1
2	Thanh Hóa	66	11.010,2
3	Thừa Thiên-Huế	85	2.619,4
4	Nghệ An	51	2.142,3
5	Quảng Trị	27	120,9
6	Quảng Bình	18	119,1

(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư TT. Huế năm 2015).

Như vậy, từ năm 1992 đến nay hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Tỉnh Thừa Thiên Huế có phát triển, thu hút được 85 dự án chiếm tỷ trọng cao nhất trong khu vực Bắc Trung Bộ, tuy nhiên số vốn đăng ký lại thấp hơn so với Hà Tĩnh và Thanh Hóa. Qua đó có thể thấy môi trường đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế còn kém hấp dẫn, công tác xúc tiến đầu tư còn hạn chế, sự quan tâm của các nhà đầu tư còn ít.

#### \* Phân theo lĩnh vực đầu tư

Đến năm 2015 phần lớn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thừa Thiên Huế tập trung chủ yếu vào lĩnh vực Du lịch - dịch vụ, đạt 1599,4 triệu USD chiếm 68% về vốn thực hiện, tương ứng với 21 dự án đầu tư chiếm 24,71% trên tổng số 85 dự án. Điều đáng chú ý tỉnh Thừa Thiên Huế đã và đang thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch - dịch vụ, đây là lĩnh vực có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển nhóm ngành này. Thêm vào đó do có những khó khăn về điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu nên phần nào đã hạn chế dự án FDI tập trung vào lĩnh vực Nông - Lâm - Thủy sản. Hiện nay, ngành này chỉ thu hút được 05 dự án FDI chiếm 4% về vốn đầu tư đăng ký.



Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015

**Hình 2.2: Cơ cấu đầu tư FDI theo lĩnh vực đầu tư**

**\* Phân theo hình thức đầu tư**

**Bảng 7: Dự án đầu tư FDI theo hình thức đầu tư đến năm 2015 tỉnh TT. Huế**

STT	Hình thức đầu tư	Số DA	Vốn đầu tư đăng ký (Triệu USD)	Tỷ trọng số dự án (%)	Tỷ trọng vốn đầu tư (%)
1	Hợp đồng HTKD	3	28,8	3,53	1,10
2	100% vốn nước ngoài	57	2.150,5	67,06	82,10
3	Liên doanh	25	440,1	29,41	16,80
<b>Tổng cộng</b>		<b>85</b>	<b>2.619,4</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015).

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chủ yếu là vốn đầu tư dưới hình thức doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với tổng số dự án cũng như về tổng vốn đăng ký. Chưa có dự án đầu tư nước ngoài theo hình thức BOT, BTO, BT trên địa bàn Tỉnh.



**\* Phân theo nước đầu tư**

Vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn Thừa Thiên Huế chủ yếu là từ các nước trong khu vực Châu Á.

Vốn đầu tư từ đối tác Singapore chiếm 52,11%; Hồng Kông chiếm 26,30%; Đan Mạch chiếm 5,40%; Thái Lan chiếm 3,04%; ngoài ra còn có sự góp mặt của đối tác Hoa Kỳ (2,26%), Hàn Quốc (1,73%), Nhật Bản (1,33%); còn lại chia cho các đối tác khác như Pháp, Ý, Trung Quốc....

**Bảng 8: Dự án FDI theo nước đầu tư đến năm 2015 tỉnh TT. Huế**

STT	Nước đầu tư	Số DA	Vốn đầu tư ĐK (Triệu USD)	Tỷ trọng số dự án (%)	Tỷ trọng vốn ĐK (%)
1	Singapore	8	1.365,0	9,41	52,11
2	Hồng Kông	12	688,9	14,12	26,30
3	Đan Mạch	6	141,5	7,06	5,40
4	Thái Lan	6	79,6	7,06	3,04
5	Hoa Kỳ	17	59,2	20,00	2,26
6	Hàn Quốc	9	45,3	10,59	1,73
7	Nhật Bản	5	34,8	5,88	1,33
8	Pháp	6	28,0	7,06	1,07
9	Trung Quốc	4	6,6	4,71	0,25
10	Ý	2	3,4	2,35	0,13
11	Nước khác	10	167,1	11,76	6,38
	<b>Tổng cộng</b>	85	2.619,4	100	100

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015).

**\* Phân theo nguồn vốn đầu tư**

**Bảng 9: Vốn đầu tư toàn xã hội của Tỉnh Thừa Thiên Huế theo nguồn vốn đầu tư**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Năm	Tổng số	Vốn từ Nhà nước		Vốn ngoài quốc doanh		Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	
		Tỷ đồng	(%)	Tỷ đồng	(%)	Tỷ đồng	(%)
2011	11.000,0	5.024,4	45,68	4.575,6	41,59	1.400,0	12,73
2012	12.515,0	6.264,1	50,06	4.197,2	33,53	2.053,7	16,41
2013	13.713,6	6.677,4	48,69	5.525,0	40,29	1.511,2	11,02
2014	14.700,0	7.404,1	50,37	6.095,9	41,47	1200,0	8,16
2015	16.320,0	5.111,9	31,32	9.043,1	55,41	2.165,0	13,27

*(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015).*

Mặc dù nguồn vốn Nhà nước vẫn chiếm vai trò chủ yếu nhưng FDI vẫn được xem là nguồn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư nhằm đáp ứng phần nào nhu cầu đầu tư cho phát triển của địa phương.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, tỷ trọng của khu vực FDI chiếm 11,91% tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế, tỷ trọng này tăng giảm thất thường với năm 2012 với 16,41% cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2015... Năm 2014, tỷ trọng khu vực FDI giảm xuống còn 8,16%, lý giải hiện tượng này nguyên nhân do nền kinh tế thế giới phục hồi chậm, mà FDI vào Việt Nam phần lớn là vốn vay, nên nếu các nhà đầu tư không dàn xếp được khoản vay sẽ khó giải ngân được.

Mặc dù, vốn đầu tư trong nước luôn chiếm vai trò chủ đạo, vẫn tăng về nguồn vốn nhưng có xu hướng giảm về tỷ trọng nhường chỗ dần cho vốn đầu tư nước ngoài trong những năm gần đây. Đây là những xu hướng tất yếu, phù hợp với nhu cầu thực tế về vốn của nước ngoài.

## **2.2 ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ HUẾ**

### **2.2.1. Đặc điểm tự nhiên**

#### *2.2.1.1. Vị trí địa lý*

Thành phố Huế có diện tích đất tự nhiên 71,68 km<sup>2</sup>, có vị trí địa lý trải dài từ 16,33 đến 16,62 độ vĩ Bắc; và từ 107,32 đến 107,38 độ kinh Đông. Phía Tây Tây Bắc và Tây Nam giáp Huyện Hương Trà, phía Đông Bắc giáp huyện Phú Vang, phía Nam và Đông Nam giáp huyện Hương Thủy.

#### *2.2.1.2. Đặc điểm địa hình, tài nguyên thiên nhiên*

- Thành phố Huế nằm ở vị trí trung tâm của đất nước, trên trục Bắc – Nam của các tuyến đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường biển, gần tuyến hành lang Đông - Tây, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Trung Bộ với các trung tâm kinh tế lớn đang phát triển nhanh như khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây, thành phố Đà Nẵng, Khu kinh tế mở Chu Lai, khu công nghiệp Dung Quất... có hệ thống giao thông thuận lợi dễ dàng nối kết với thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh thành trong cả nước. Từ Huế có thể tiếp cận dễ dàng và nhanh chóng với các nước trên thế giới trực tiếp bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ và đường sắt.

- TP Huế là cố đô của Việt Nam với hệ thống các cung điện, lăng tẩm, nhà ở, chùa chiền và nhiều công trình kiến trúc truyền thống tiêu biểu của Việt Nam hiện còn được lưu giữ gần như nguyên vẹn. Thành phố Huế được xây dựng trong không gian phong cảnh kỳ diệu từ núi Ngự Bình, đồi Vọng Cảnh, đền phá Tam Giang và Đầm Cầu Hai; Giữa lòng Huế, thành nội lịch sử là mẫu mực về kiến trúc cân đối và sự hài hoà rất tự nhiên đến nỗi người ta quên bàn tay con người sáng tạo ra nó. Mỗi lăng vua, với phong cách riêng biệt của nó, là một thành tựu tuyệt mỹ về kiến trúc cảnh vật hoá... tạo nên sự tổng hoà tuyệt vời giữa đạo và đời trong kiến trúc, kết hợp hài hoà giữa cổ kính và hiện đại, xưa và nay, qua đó cố đô Huế cổ kính chung sống hài hoà với thành phố trẻ ngày nay. Với những giá trị như vậy, ngày 11/12/1993, Ủy ban di sản

Thế giới của UNESCO đã công nhận quần thể di tích cổ đô Huế là một di sản văn hoá chung của nhân loại.

- Thành phố Huế là địa bàn lý tưởng gắn kết các giá trị văn hoá truyền thống với du lịch, là một trong 5 trung tâm du lịch quốc gia. Huế nằm ở vị trí trung tâm của các di sản văn hoá thế giới của Việt Nam (rất gần các di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới (Hội An, Mỹ Sơn, Động Phong Nha - Kẻ Bàng) và gần với các thành phố cổ đô của các nước trong khu vực.

- Thành phố Huế nằm ở vị trí có điều kiện thiên nhiên, hệ sinh thái đa dạng, phong phú và diện mạo riêng tạo nên một không gian hấp dẫn. Phân bố trên một không gian không lớn, nhưng thành phố hội đủ các dạng địa hình: núi đồi, đồng bằng, sông hồ, đầm phá, biển và cảng biển, tạo thành một không gian cảnh quan thiên nhiên - đô thị lý tưởng.

Nhìn chung, điều kiện khí hậu, thời tiết ở khu vực Huế có nhiều thuận lợi cho việc tổ chức những sự kiện lớn với sự tham gia của nhiều người: nhiệt độ trung bình các tháng trong năm 24,0 - 25<sup>0</sup>C, những tháng cao nhất vào mùa hè dao động từ 36-38,5<sup>0</sup>C (tháng 5 - tháng 8), những tháng thấp nhất vào mùa đông không xuống dưới 10<sup>0</sup>C; số ngày nắng trong năm nhiều, độ ẩm trung bình vừa phải. Tuy nhiên, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 hàng năm với số ngày mưa kéo dài lên tục hàng (trung bình có đến trên 20 ngày có mưa trong tháng) có ảnh hưởng không tốt đến tình hình phát triển của thành phố.

- TP Huế là một trong 5 thành phố trung tâm cấp Quốc gia được xác định trong Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt ngày 24/09/1997. Huế là một trong những trung tâm đào tạo lớn của khu vực miền Trung và cả nước; là trung tâm khoa học - công nghệ quan trọng của miền Trung (các lĩnh vực văn học-nghệ thuật, y học...) và là Trung tâm y tế chuyên sâu của khu vực Miền Trung với đội ngũ cán bộ y tế biết kế thừa truyền thống, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, giàu kinh nghiệm và tận tụy với nghề. Hiện tại đã có ý kiến của Bộ Chính trị và Chính phủ nâng cấp TP Huế lên là thành phố cấp I trực thuộc tỉnh.

- Huế là thành phố Anh hùng, là tỉnh lỵ của tỉnh Thừa Thiên – Huế và là hội viên của nhiều Hiệp hội, tổ chức quốc tế về phát triển đô thị và văn hoá truyền thống.

Từ những yếu tố kể trên cho thấy Thành phố Huế có tiềm năng rất lớn về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực, yếu tố lịch sử, văn hoá truyền thống so với nhiều tỉnh miền Trung khác như Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Quảng Nam. Đây chính là một trong những yếu tố góp phần thu hút đầu tư từ bên ngoài, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI.

### **2.2.2. Tình hình kinh tế - xã hội**

Thành phố có 27 phường với tổng dân số trung bình năm 2012 là 344.581 người, trong đó số nam chiếm 48,76 % dân số, mật độ dân số trung bình của thành phố 4811 người/km<sup>2</sup>.

Kinh tế xã hội Thành phố Huế trong những năm qua có sự chuyển biến mạnh mẽ về chất và lượng trên tất cả lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chủ yếu tập trung vào ngành Thương mại và dịch vụ.

Giá trị sản xuất CN - TTCN trên địa bàn tháng 2/2016 ước đạt 466,9 tỷ (giá hiện hành) tăng 14,8% so cùng kỳ. Trong đó: Kinh tế HTX ước đạt: 4,9 tỷ tăng 6% so với tháng cùng kỳ; Kinh tế cá thể ước đạt: 260 tỷ đồng, tăng 15% so với tháng cùng kỳ; Kinh tế tư nhân đạt 202 tỷ đồng, tăng 14,7% so với cùng kỳ; 02 tháng đầu năm đạt 915,63 tỷ đồng (giá hiện hành) tăng 13,8% so với hai tháng cùng kỳ.

**Bảng 10: Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Thành phố Huế năm 2015**

	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch Năm 2015	Ước thực hiện năm 2015	So với cùng kỳ năm 2014 (%)	Kết quả thực hiện
1	Doanh thu du lịch	1.710,3 tỷ đồng tăng >15%	1.743,1 tỷ đồng	+ 17,1	Vượt
2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá trên địa bàn	19.437,3 tỷ đồng tăng >15%	19.775 tỷ đồng	+ 17	Vượt
3	Giá trị sản xuất CN - TTCN trên địa bàn	5.753,9 tỷ đồng tăng >13 %	5.754 tỷ đồng	+ 13	Đạt
4	Giá trị hàng xuất khẩu	85 tr USD	90tr USD	+ 20	Vượt
5	Thu ngân sách Thành phố	907,930 tỷ đồng	919,300 tỷ đồng	+ 8,2	Vượt
6	Tổng vốn đầu tư trên địa bàn	>3.400 tỷ đồng	3.545 tỷ đồng	+ 7	Vượt
7	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	0,9 %	0,9%	- 0.02	Đạt
8	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giảm còn	2,32%	2,32%	- 0,8	Đạt
9	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	<6,5 %	6,49%	0,2	Đạt
10	Phổ cập bậc TH thêm (không tính CT nghề)	1 phường	1 phường		Đạt
11	Số lao động được hỗ trợ giải quyết việc làm	9.600 LĐ	9.600 LĐ	- 201 (LĐ)	Đạt
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên	68%	69%	Tăng 1%	Vượt

(Nguồn: <http://www.huecity.gov.vn>).

**2.3. THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ HUẾ TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

**2.3.1. Chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế trong đó có TP Huế về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)**

**Bảng 11: Chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh TT. Huế**

<b>Các chính sách ưu đãi</b>	<b>Tỉnh Thừa Thiên Huế</b>	<b>Thành phố Đà Nẵng</b>
1. Địa bàn ưu đãi	- Chia theo 5 địa bàn: đặc biệt khó khăn, khó khăn, KCN, tiểu KCN và thành phố Huế.	- Chia theo 5 địa bàn: Khu vực trung tâm, cận trung tâm, du lịch ven biển, miền núi, KCN.
2. Ngành nghề ưu đãi	- Ngoài quy định của Chính phủ, khuyến khích thêm 6 ngành nghề, lĩnh vực	- Thực hiện như Chính phủ, có phân biệt dự án sản xuất và thương mại dịch vụ
3. Ưu đãi tiền thuê đất, thời hạn miễn tiền thuê đất	Phân chia theo 5 địa bàn kết hợp 6 ngành ưu đãi: - Giá thuê đất: tối thiểu 0,03 USD/m <sup>2</sup> /năm, trong KCN: 0,32USD/m <sup>2</sup> /năm - Thời hạn miễn tiền thuê đất từ 4 đến 14 năm	Theo địa bàn, phân biệt DA sản xuất và thương mại dịch vụ: - Giá thuê đất: điều chỉnh theo hệ số K. Giảm 30% nếu trả tiền một năm. - Thời hạn miễn tiền thuê đất từ 6 - 12 năm, phân biệt trong và ngoài KCN, qui mô vốn đầu tư
4. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp	- Phân chia theo 5 địa bàn kết hợp 6 ngành ưu đãi thời hạn từ 4 – 8 năm	- Thống nhất một ưu đãi: miễn thêm trong 5 năm
5. Chính sách đền bù	- Ngân sách hoặc ngân sách và nhà đầu tư thực hiện	- Ngân sách 1 phần tùy theo qui mô vốn đầu tư

<p>6. Chính sách hỗ trợ kinh doanh phí đào tạo</p>	<p>-1.000.000 đồng/ng/khóa Mỗi lao động được hỗ trợ đào tạo 1 lần trong suốt thời gian làm việc tại doanh nghiệp  - Đào tạo ở nước ngoài hỗ trợ bằng kinh phí đào tạo trong nước</p>	<p>- Không có</p>
<p>7. Hoa hồng môi giới đầu tư, hỗ trợ tài chính khác</p>	<p>- Hoa hồng môi giới - Môi giới sản xuất tiêu thụ sản phẩm mới, thay thế nhập khẩu - Hỗ trợ kinh phí áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến</p>	<p>- Không có</p>
<p>8. Thời gian cấp GPĐT</p>	<p>- 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với DA đăng ký cấp GPĐT - 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với DA thẩm định cấp GPĐT</p>	<p>- 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với DA đăng ký cấp GPĐT. Nộp hồ sơ qua mạng internet - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với DA thẩm định cấp GPĐT</p>

(Nguồn: *Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015*).

Trên cơ sở Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/11/1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 09/06/2000; Nghị định số 24/2000/NĐ - CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 1337/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 quy định tạm thời về một số chính



sách ưu đãi đầu tư và hỗ trợ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Chính sách ưu đãi đầu tư và hỗ trợ sản xuất kinh doanh được áp dụng cho cả các dự án đầu tư trong nước và dự án nước ngoài, phân theo ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư được tập trung vào 8 nội dung chủ yếu như ở bảng 11.

Các địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Quyết định số 1337/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh TT. Huế, bao gồm:

- Huyện A Lưới, Nam Đông, Khu du lịch sinh thái Bạch Mã (Huyện Phú Lộc);
- Các xã, thị trấn còn lại: Phú Lộc, Hương Thủy, Phú Vang, Hương Trà, Phong Điền, Quảng Điền;
- Tiểu KCN Hương Sơ ( Thành phố Huế), Khu công nghiệp – Thương mại – Du lịch và dịch vụ Chân Mây, Khu Du lịch Lăng Cô;
- Khu Công nghiệp Phú Bài;
- Thành phố Huế.

Các ngành, lĩnh vực khuyến khích đầu tư (ngoài những ngành, lĩnh vực ưu đãi theo quy định của Chính phủ) của tỉnh TT. Huế bao gồm:

- Công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, điện tử, sản xuất vật liệu mới;
- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ;
- Chế biến nông lâm thủy sản;
- Các hoạt động trong lĩnh vực: y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao;
- Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, làng du lịch, khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 sao, 5 sao;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, tiểu khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Việc phân chia các địa bàn ưu đãi và quy định các ngành, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư trên đây áp dụng các mức ưu đãi khác nhau theo nguyên tắc: Thứ nhất, các dự án đầu tư vào các địa bàn có các điều kiện về cơ sở hạ tầng khó khăn hơn

thì được hưởng các mức ưu đãi cao hơn các địa bàn khác. Thứ hai, trong trường hợp dự án đáp ứng nhiều mức ưu đãi thì nhà đầu tư được quyền thụ hưởng mức ưu đãi cao nhất. Quy định như trên nhằm mục đích:

- Tạo điều kiện và cơ hội để phát triển kinh tế giữa các địa bàn;
- Khuyến khích đầu tư vào các ngành, lĩnh vực kinh tế sử dụng nhiều lao động, công nghệ sạch và hiện đại, vốn đầu tư lớn mà các DN trong nước chưa thể đầu tư được;

- Tránh đầu tư tập trung vào các địa bàn có điều kiện thuận lợi nhất.

**\* Một số cơ chế, chính sách ưu đãi khi đầu tư vào Thành phố Huế như sau:**

- Ưu đãi về thời gian thuê đất: thời gian từ 50 năm đến 70 năm.
- Ưu đãi về chi phí giải phóng mặt bằng: đối với các dự án ở thành phố Huế nhà đầu tư không được hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng.

- Ưu đãi về miễn tiền thuê đất: thời gian được miễn tiền thuê đất là 6 tháng đầu tiên khi đi vào hoạt động

- Chính sách hỗ trợ về đào tạo lao động: Nhà đầu tư tuyển dụng lao động là người dân trên địa bàn để phục vụ các dự án. Mỗi lao động được hỗ trợ đào tạo 1 lần trong suốt thời gian làm việc tại doanh nghiệp với mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/khóa.

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Thành phố Huế cam kết thực hiện theo quan điểm của nhà đầu tư được hưởng mức ưu đãi cao nhất trong khung quy định của pháp luật về thuế và đất đai.

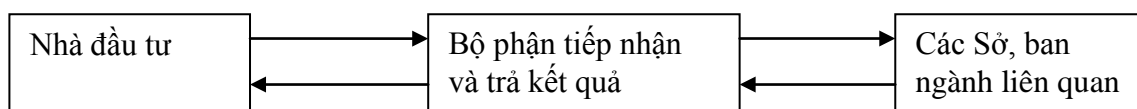
- Chính sách hỗ trợ về tính dụng: được ưu đãi theo luật đầu tư phát triển của nhà nước.

- Chính sách hỗ trợ khác: Các doanh nghiệp có dự án thuộc danh mục hỗ trợ đầu tư được hỗ trợ chi phí đi lại để tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo Kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh. Không quá 50 triệu đồng/lượt/doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp không quá 04 lượt trong suốt quá trình hoạt động tại thành phố Huế

**\* Thủ tục hành chính:** Thành phố Huế đã áp dụng các quy định mới về thủ tục cấp giấy phép đầu tư theo quy trình “một cửa”. Công tác cải cách hành chính trong

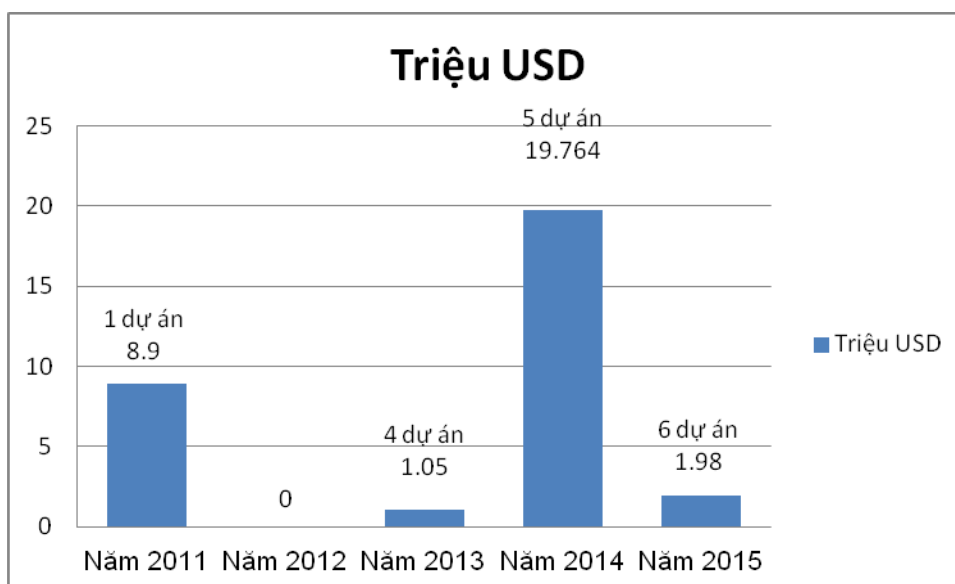
hoạt động cấp giấy phép đầu tư theo mô hình “một cửa” trên thành phố trong thời gian qua được đánh giá là có nhiều chuyển biến tích cực

**Mô hình 1: Quy trình cấp giấy phép đầu tư**



**2.3.2. Quy mô, số lượng dự án và số vốn đăng ký đầu tư trực tiếp vào thành phố Huế giai đoạn 2011 - 2015**

Từ những quan điểm phát triển kinh tế xã hội của thành phố Huế, với các chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung vào du lịch - dịch vụ. Tính đến 31/12/2015 đã có 31 dự án được cấp phép đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 89,1 triệu USD, bình quân 2,87 triệu USD/dự án, vốn thực hiện 37,6 triệu USD, bằng 42,20% tổng vốn đăng ký. Tính từ năm 2011 đến nay số dự án mới đầu tư vào thành phố Huế là 16 dự án chiếm 51,61% tổng số dự án. Riêng trong năm 2014 có dự án Lottecinema Huế với số vốn đăng ký 19,0 triệu USD chiếm 41% tổng số vốn đăng ký ở thành phố Huế.



(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT. Huế năm 2015)

**Hình 2.3: Các dự án và vốn đăng ký mới vào thành phố Huế từ năm 2009 đến 2015**

Tính đến nay các dự án có qui mô lớn ở thành phố Huế như : Dự án hợp tác đầu tư thành lập Công ty CP Liên doanh Dược phẩm tại tỉnh Thừa Thiên Huế (Ý), Dự án La Residence Hotel & Spa (Pháp), Dự án Espace Business Huế (Hong Kông), Dự án Lottecinema Huế...

Sự phân bố dự án đầu tư ngày một cân đối hơn trên địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế. Nếu những năm đầu chủ yếu tập trung ở thành phố Huế, đến nay đã có 6/9 huyện, thị xã, thành phố có dự án đầu tư. Số liệu bảng 12 cho thấy, TP.Huế vẫn là điểm tập trung nhiều dự án nhất 31 dự án chiếm 36,47%, nhưng chỉ chiếm 3,4% tổng vốn đầu tư, các dự án này thường tập trung vào du lịch - dịch vụ là chủ yếu. Đặc biệt, huyện Phú Lộc có khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô có 10 dự án chiếm 14,92% về số dự án và chiếm 67,51% tổng vốn đầu tư FDI trên toàn tỉnh (trong đó có dự án Laguna với tổng vốn đăng ký lớn nhất từ trước đến nay là 875 triệu USD).

**Bảng 12: Quy mô số lượng dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Huế năm 2015**

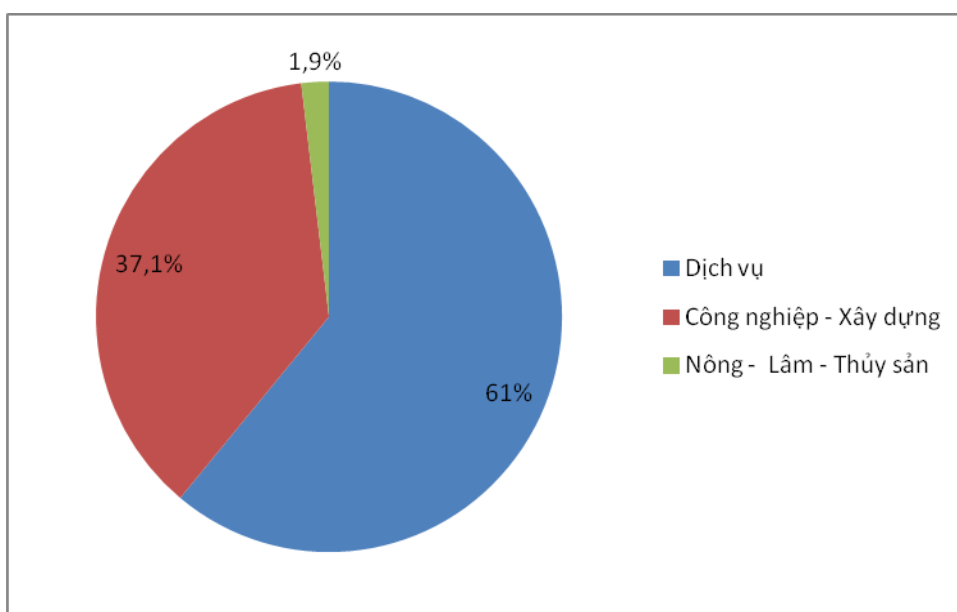
STT	Huyện, Thành phố	Số dự án	Vốn đăng ký (Triệu USD)	Tỷ trọng số dự án (%)	Tỷ trọng vốn đăng ký (%)
<b>Tổng số</b>		85	2.619,4	100	100
1	Thành phố Huế	31	89,1	36,47	3,4
2	Hương Thủy	21	167,9	24,71	6,41
3	Hương Trà	9	453,4	10,59	17,31
4	Phú Vang	3	66,3	3,53	2,53
5	Phú Lộc	12	1.768,4	14,11	67,51
6	Phong Điền	9	74,3	10,59	2,84

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015).

### **2.3.3. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI theo lĩnh vực của TP Huế**

Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở thành phố Huế trong thời gian qua chủ yếu tập trung vào lĩnh vực dịch vụ - du lịch còn tỷ lệ công nghiệp - xây dựng và nông - lâm - thủy sản chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Thành phố Huế là cố đô của Việt Nam với rất

nhiều lãng tằm, cung điện, chùa chiền nên dịch vụ - du lịch là một ngành có triển vọng đối với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, kéo theo đó là ngành kinh doanh khách sạn. Với những tiềm năng du lịch lớn như vậy trong thời gian qua Thành phố Huế đã thu hút được 22 dự án 61% tổng vốn đăng ký. Con số này rất phù hợp với quan điểm phát triển kinh tế xã hội của thành phố Huế. Ngành nông lâm thủy sản chỉ có 1 dự án, do đặc điểm của ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp của điều kiện tự nhiên, công tác kiểm soát trên địa bàn vẫn còn hạn chế nên kém hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài.



*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015*

**Hình 2.4: Phân loại các dự án FDI theo lĩnh vực trên thành phố Huế**

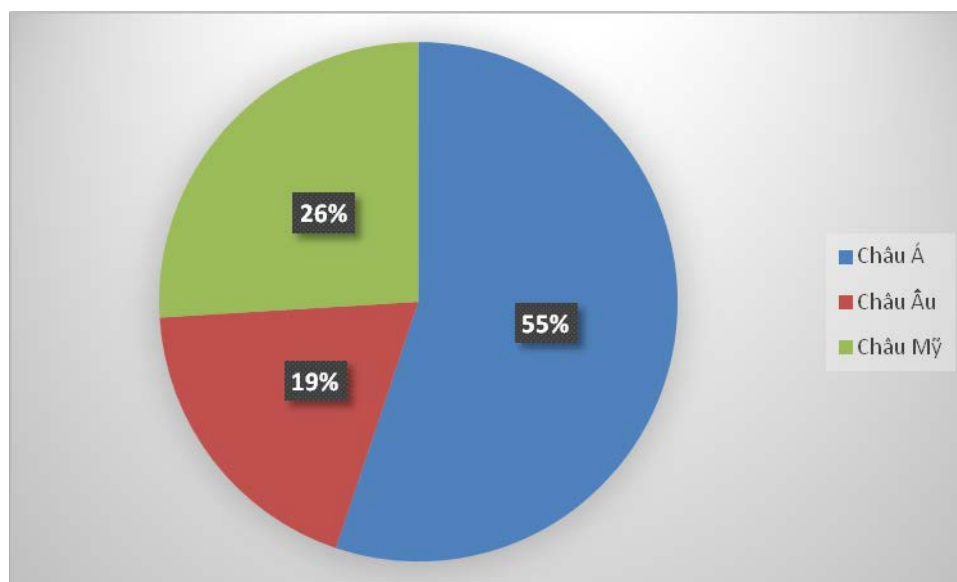
#### **2.3.4. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI theo quốc gia của TP Huế**

Số liệu bảng 13 cho thấy, trong tổng số vốn đăng ký, các nước khu vực Châu Á chiếm 55%, Châu Âu chiếm 19% và Châu Mỹ 26%. Với 9 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào thành phố Huế được cấp phép đầu tư, các nước và vùng lãnh thổ có nhiều dự án và vốn FDI tương đối lớn đầu tư vào thành phố Huế như Hoa Kỳ, Pháp, Hồng Kông..., thiếu các nhà đầu tư tiềm lực như Đức, Anh. Quy mô các dự án đầu tư từ các nước còn thấp, Hoa Kỳ có 8 dự án nhưng qui mô rất nhỏ. Hồng Kông có 2 dự án đầu tư chiếm 29,85% tổng vốn FDI vào thành phố Huế.

**Bảng 13: Phân loại dự án FDI theo nước đầu tư trên thành phố Huế năm 2015**

STT	Nước đầu tư	Số DA	Vốn đầu tư ĐK (Triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Tỷ trọng vốn ĐK (%)
1	Hoa Kỳ	8	9,4	25,80	10,55
2	Pháp	5	10,8	16,13	12,12
3	Hàn Quốc	5	21,2	16,13	23,79
4	Trung Quốc	2	7,1	6,45	7,97
5	Hồng Kông	2	26,6	6,45	29,85
6	Nhật Bản	5	8,2	16,13	9,20
7	Singapore	1	0,9	3,23	1,01
8	Ý	1	2,4	3,23	2,69
9	Thái Lan	2	2,5	6,45	2,81
	<b>Tổng cộng</b>	31	89,1	100	100

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015).



**Hình 2.5: Cơ cấu vốn đăng ký theo các quốc gia của TP Huế năm 2015**

**2.3.5. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI theo hình thức đầu tư của TP Huế**

**Bảng 14: Phân loại dự án đầu tư FDI theo hình thức đầu tư**

STT	Hình thức đầu tư	Số DA (dự án)	Vốn đầu tư đăng ký (Triệu USD)	Tỷ trọng số dự án (%)	Tỷ trọng vốn đăng ký (Triệu USD)
1	Hợp đồng HTKD	2	1,4	6,45	1,57
2	100% vốn nước ngoài	16	47,8	51,61	53,65
3	Liên doanh	13	39,9	41,94	44,78
<b>Tổng cộng</b>		31	89,1	100	100

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015)

Hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài ở thành phố có những dấu hiệu phấn khởi, theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm 6,45% về số dự án. theo hình thức liên doanh chiếm 41,94% về số dự án đang hoạt động và 44,78% tổng vốn đầu tư, theo hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm 51,61% về số dự án được cấp và 53,65% tổng vốn đầu tư. Đặc biệt, trong những năm gần đây có sự chuyển dịch về cơ cấu vốn đầu tư từ hình thức liên doanh sang 100% vốn nước ngoài, điều này cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài muốn chủ động hoạt động đầu tư. Các dự án 100% vốn nước ngoài trên địa bàn thành phố như: Dự án sản xuất rượu Sake và rượu trắng Nhật Bản, Sản xuất loa và chiếu nhựa các loại, Trung tâm đào tạo ngoại ngữ Mundo, Dự án Lottecinema Huế. Vốn đăng ký bình quân của một dự án trên thành phố Huế là 2,87 triệu USD.

**Bảng 15: Một số dự án lớn đang thực hiện tại thành phố Huế**

*Đơn vị : Nghìn USD*

<b>Tên dự án</b>	<b>Ngày cấp</b>	<b>Vốn đầu tư</b>
Dự án Espace Business Huế	12/3/2009	17.250
Dự án sản xuất rượu Sake và rượu trắng Nhật Bản	7/2/2008	7.555
Dự án La Résidence Hotel & Spa	29/6/2011	8.915
Dự án Lottecinema Huế	10/9/2014	19.000
Dự án kinh doanh lễ hành, Dịch vụ Du lịch và Tổ chức sự kiện	15/1/2015	1500
Sản xuất loa và chiếu nhựa các loại	11/5/2008	3.550
Công ty Mandarin Digital media	26/3/2010	500
Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng	28/2/2007	1.250
Trung tâm đào tạo ngoại ngữ Mundo	16/9/2008	700
Dự án xây dựng cửa hàng sản xuất và kinh doanh hàng trang sức mỹ nghệ	6/6/2013	500

*(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế năm 2015).*

Các dự án đầu tư nước ngoài vào thành phố Huế đa số tập trung vào ngành dịch vụ - du lịch và công nghiệp nhẹ phù hợp với mục tiêu phát triển của thành phố, xây dựng thành một trung tâm du lịch dịch vụ và giao lưu quốc tế; trung tâm khoa học – công nghệ, trung tâm đào tạo đa ngành, đa cấp chất lượng cao cấp quốc gia; trung tâm y tế chuyên sâu quốc gia và khu vực...

**\* Quy mô dự án:** Các dự án đầu tư tuy tăng lên nhưng quy mô dự án quá nhỏ. Có những dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư về lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhưng vốn đầu tư quá ít (Dự án bồi dưỡng và nâng cấp kiến thức cho Y tá, Điều dưỡng viên 38.000 USD/dự án), một vài dự án về dịch vụ UBND cấp giấy chứng nhận đầu tư thấp (Hoạt động du lịch đoàn kết Việt Pháp 71.000 USD/dự án).



## 2.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ HUẾ

### 2.4.1. Đánh giá của doanh nghiệp về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư trên địa bàn TP Huế

Để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố Huế, đề tài đã sử dụng số liệu phỏng vấn 30 nhà đầu tư và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Huế. Bằng việc sử dụng thang đo Likert 5 mức độ quyết định từ rất thấp đến rất cao, với câu hỏi Xin ông/bà vui lòng cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đây đến quyết định đầu tư vào Thành Phố Huế của doanh nghiệp. Kết quả tổng hợp ở bảng 16.

**Bảng 16: Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định đầu tư của DN**

Yếu tố đánh giá	BQC	Loại DN		
		TM-DV	CN	Khác
1. MT kinh tế, chính trị ổn định	3.77	3.63	4.0	4.0
2. Vị trí địa lý thuận lợi	3.83	3.84	4.00	3.71
3. Tài nguyên thiên nhiên sẵn có	3.13	3.16	3.25	3.00
4. Cơ sở hạ tầng tốt và đồng bộ	3.50	3.32	3.75	3.86
5. Lao động có trình độ tay nghề	3.73	3.53	4.00	4.14
6. Giá công lao động rẻ	3.87	3.89	3.75	3.86
7. Giá thuê đất rẻ	4.03	3.95	4.25	4.14
8. Khả năng phát triển kinh tế của Tỉnh và TP Huế	3.43	3.42	4.25	3.00
9. Lợi thế của lĩnh vực đầu tư	3.50	3.32	4.25	3.57
10. Có các chính sách ưu đãi và kêu gọi đầu tư	3.87	3.84	3.75	4.00
11. Cơ chế quản lý và thủ tục hành chính thuận lợi	3.97	3.74	4.25	4.43

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2016).

Tất cả các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực gì thì khi đầu tư vào Thành phố Huế đều giành mỗi quan tâm như nhau đến các yếu tố kể trên và sự đánh giá giành cho các nhân tố này không có sự khác biệt nào lớn. Trước khi đầu tư, các nhà đầu tư thường quan tâm tìm hiểu xem tình hình chính trị ở đây có ổn định hay không, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng như thế nào, đường sá có phục vụ tốt cho việc đi lại, vận chuyển hay không, trình độ lao động có đáp ứng đủ các yêu cầu của doanh nghiệp.... Nói chung, các doanh nghiệp đều đánh giá tương tự nhau cho các yếu tố trên, họ giành mỗi quan tâm không khác biệt đối với các yếu tố cơ bản của môi trường đầu tư trước khi đầu tư vào Thành phố Huế.

Theo bảng 16 ta thấy nhân tố giá thuê đất được đánh giá cao nhất với GTTB là 4.03 chứng tỏ đối với các nhà đầu tư, giá cả thuê đất ảnh hưởng rất nhiều đến quyết định đầu tư của họ bởi vì nó ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Vì vậy nên các nhà đầu tư quan tâm nhiều đến việc giá thuê đất có rẻ hay không. Tiếp theo, yếu tố quan tâm đứng thứ 2 mà các nhà đầu tư quan tâm và lo ngại đó là cơ chế quản lý và thủ tục hành chính với GTTB là 3.97. Có thể dễ hiểu lí do tại sao các nhà đầu tư thường e ngại các vấn đề về thủ tục hành chính cũng như cơ chế quản lý, đó là bởi vì nhà đầu tư e ngại về tiến độ công việc trì trệ vì thủ tục rườm rà hay nhà đầu tư lo lắng về các chính sách ưu đãi, quản lý sau đầu tư có gây khó khăn hay tạo điều kiện cho doanh nghiệp hay không.

Các nhân tố như điều kiện cơ sở hạ tầng, chi phí cho sản xuất, vị trí địa lý, vấn đề giải phóng mặt bằng, giá công lao động, chất lượng lao động thuộc nhóm nhân tố liên quan đến môi trường đầu tư. Môi trường đầu tư có ảnh hưởng rất lớn đến việc các nhà đầu tư có thấy hấp dẫn khi đầu tư vào Thành phố Huế hay không?

#### ***2.4.2. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ hài lòng với các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư ở Thành Phố Huế***

Tương tự, thang đo Likert 5 mức độ hài lòng/đồng ý từ rất thấp đến rất cao, với câu hỏi xin ông/bà vui lòng cho biết mức độ đồng ý hoặc hài lòng của mình về môi trường đầu tư ở Thành phố Huế. Kết quả được thể hiện như sau:

**2.4.2.1. Nhóm nhân tố thuộc về môi trường đầu tư**

Nhóm nhân tố thuộc về môi trường đầu tư bao gồm các nhân tố như tình hình chính trị, vị trí địa bàn đầu tư, cơ sở hạ tầng, tình hình phát triển kinh tế, trình độ lao động, giá nhân công và giá thuê đất.

**Bảng 17: Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về yếu tố môi trường đầu tư**

Yếu tố đánh giá	BQC	Loại DN		
		TM-DV	CN	Khác
1. Tình hình CT ổn định	3.88	3.63	4.00	4.00
2. Vị trí thuận lợi	3.85	3.84	4.00	3.71
3. Cơ sở hạ tầng đồng bộ	3.64	3.32	3.75	3.86
4. Trình độ lao động	3.89	3.53	4.00	4.14
5. Giá công lao động rẻ	3.84	3.90	3.75	3.86
6. Giá thuê đất rẻ	4.11	3.95	4.25	4.14

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2016).

Giá thuê đất rẻ là yếu tố được đánh giá cao với GTTB là 4.11. Với nhân tố này ta có thể nhận thấy GTTB chung của các ý kiến đánh giá là 4.11, nhưng trong từng lĩnh vực lại có sự khác nhau, trong khi nhóm các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TM - DV đánh giá tương đương với GTTB chung là 3.95 thì nhóm các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp đánh giá cao hơn với GTTB là 4.25 và các DN thuộc lĩnh vực khác thì lại đánh giá ở mức GTTB 4.14. Qua đó ta có thể thấy các doanh nghiệp không quá khó khăn trong việc thuê đất để kinh doanh sản xuất tại Thành phố Huế nhưng nhóm doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TM - DV gặp khó khăn hơn các loại doanh nghiệp thuộc lĩnh vực khác bởi vì hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh loại hình TM - DV đều cần có mặt bằng đẹp và nằm trong trung tâm thành phố hoặc nơi có nhiều người dân sinh sống, tuy nhiên có thể nhìn nhận rằng, điều kiện cảnh quan và thiên nhiên ở Thành phố Huế rất thích hợp để phát triển dịch vụ và du lịch nên tỉ trọng ngành này vẫn rất cao trong cơ cấu kinh tế. Vì thế cần có những giải pháp để thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này. Lĩnh vực công nghiệp ở thành phố Huế vẫn còn

nhiều hạn chế nên giá thuê đất để xây dựng các công trình, nhà máy sản xuất công nghiệp là khá rẻ, điều đó đã được các nhà đầu tư ở đây đánh giá khá cao. Các lĩnh vực khác như Nông, Lâm, Thủy sản, Giáo giục đào tạo, Y tế cũng tương tự, mặc dù tỉ trọng cao hơn lĩnh vực công nghiệp nhưng vẫn chiếm tỉ trọng nhỏ trong nền kinh tế Thành phố nên giá thuê đất rẻ.

Tình hình chính trị ổn định và chất lượng lao động là 2 nhân tố được đánh giá cao tiếp theo sau giá thuê đất rẻ. Với GTTB là 3.88, chứng tỏ rằng tình hình chính trị trên địa bàn Thành phố Huế là ổn định. Chất lượng lao động là một nhân tố rất quan trọng trong việc thu hút đầu tư vào bất kỳ một lĩnh vực kinh doanh và bất kỳ một địa phương nào, có thể nói rằng chất lượng lao động đang là một vấn đề quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư cho việc thu hút đầu tư tại đây, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài rất chú trọng đến chất lượng đội ngũ lao động nên GTTB là 3,89. Thành phố Huế là nơi tập trung nhiều trường đại học lớn và có truyền thống học tập cần cù, sáng tạo, cũng là hơi các tỉnh thành lân cận hội tụ về để đào tạo nên các doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng và trình độ lao động nơi đây nhưng hiện nay các học sinh sinh viên có xu hướng làm ăn xa, tập trung về các thành phố lớn sau quá trình đào tạo đại học nên cần có các giải pháp thu hút để giữ chân lao động có tay nghề cao ở lại thành phố sau khi được đào tạo.

Giá nhân công và vị trí thuận lợi cũng là 02 yếu tố được đánh giá khá cao với GTTB là 3.84 và 3.85. Với nhân tố giá nhân công thì giá trị đánh giá của các nhà đầu tư đối với nhân tố này xấp xỉ giá trị 04, mức đánh giá lại dao động từ 03 đến 05, có nghĩa rằng hầu hết các nhà đầu tư đều nghĩ rằng giá công lao động ở đây là ổn và rẻ. Thêm vào đó, Thành phố Huế lại nằm ở vị trí trung tâm của đất nước, trên trục Bắc - Nam của các tuyến đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường biển, gần tuyến hành lang Đông - Tây, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Trung Bộ vô cùng thuận lợi cho việc phát triển ngành TM - DV cũng như các lĩnh vực khác, vì thế những năm gần đây và cũng như định hướng lâu dài của địa bàn là tập trung phát triển mạnh hơn nữa, thu hút nhiều hơn nữa nguồn vốn đầu tư vào những lĩnh vực này.

Có thể nói giá công lao động và giá thuê đất rẻ, vị trí thuận lợi là những điểm mạnh khai thác được hiệu quả về môi trường đầu tư tại đây. Các nhà đầu tư đến đây sẽ được

thuê đất với giá rẻ, cộng thêm được hưởng các chính sách liên quan đến thuế đất như thời gian thuê đất lâu dài hay được miễn tiền thuê đất trong 6 tháng, lại có vị trí thuận lợi, môi trường chính trị ổn định, CSHT đầu tư khá đồng bộ đều được đa số các nhà đầu tư đánh giá là điểm mạnh ở đây. Tuy nhiên vẫn cần có những chính sách hợp lý nhằm nâng cao những ưu điểm của các nhân tố này để hấp dẫn các nhà đầu tư hơn. Các nhà đầu tư rất quan tâm đến lĩnh vực có lợi thế phát triển tại địa bàn để có thể đầu tư, vì thế lĩnh vực đầu tư nào sử dụng lao động với giá công rẻ, vị trí thuận lợi, giá thuê đất để xây dựng rẻ thì bước đầu có thể tạo ra ưu thế cạnh tranh.

**2.4.2.2. Nhân tố về thủ tục hành chính**

Nhân tố thuộc về thủ tục hành chính sẽ ảnh hưởng đến quá trình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bao gồm các nhân tố: Thủ tục nhanh gọn, đền bù giải phóng mặt bằng, cơ chế “ một cửa, một chỗ ”, công tác cải cách thủ tục hành chính và cơ chế quản lý minh bạch.

**Bảng 18. Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về yếu tố thủ tục hành chính**

Các yếu tố	BQC	Loại DN		
		TM - DV	CN	Khác
1. Thủ tục nhanh gọn	2.83	2.53	3.25	2.71
2. Đền bù GPMT nhanh gọn	2.27	2.42	2.25	2.14
3. Chế độ một cửa, tại chỗ	3.05	2.89	3.25	3.00
4. Thường xuyên cải cách TTHC	3.18	2.89	3.50	3.14
5. Cơ chế quản lý minh bạch	2.91	2.74	3.00	3.00

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2016).

Thủ tục hành chính (GTTB là 2.83), đền bù giải phóng mặt bằng (GTTB là 2.27) và cơ chế quản lý (GTTB là 2.93) là nhóm nhân tố mà các nhà đầu tư cảm thấy e ngại khi đầu tư vào địa bàn Thành phố Huế. Các nhà đầu tư thấy khó khăn trong việc tiếp cận với thông tin cũng như các chính sách pháp luật liên quan, vấn đề hỗ trợ pháp luật và đặc biệt là vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng bởi vì các dự án ở thành phố Huế không được hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng. Đối với vấn đề tiếp cận thông tin, do trang web của ban quản lý chưa sử dụng Tiếng Anh nên

các nhà đầu tư nước ngoài khó tiếp cận đối với thông tin về địa bàn cũng như các chính sách liên quan.

Chế độ một cửa, tại chỗ (GTTB 3.05) và cải cách thủ tục hành chính (GTTB 3.18) là 2 nhân tố được đánh giá tương đối khác biệt so với các nhân tố còn lại và giá trị nằm ở mức trung bình cho thấy nhân tố này khả quan hơn các nhân tố còn lại và điều đó chứng tỏ rằng hoạt động cải cách thủ tục hành chính là có hiệu quả nhưng vẫn chưa cao. GTTB cho việc đánh giá các nhân tố này là trên 3.00 (3.05 và 3.18), tuy nhiên nhóm các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TM - DV chỉ đánh giá nhân tố này với GTTB dưới 3.00 (2.89) trong khi nhóm các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp đánh giá cao hơn GTTB chung (3.25 và cao nhất là 3.50), có thể nói lĩnh vực TM - DV tuy vẫn được chú trọng phát triển và được coi là một thế mạnh của địa phương, nhưng các dự án công nghiệp một khi đã được đầu tư thì thường đem lại lợi nhuận cao và lâu dài cho địa phương, mặc dù rất được khuyến khích phát triển nhưng số dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp đầu tư vào Thành phố Huế trong những năm qua lại rất hạn chế, vì vậy, khi có một dự án nào thuộc lĩnh vực công nghiệp đăng ký đầu tư thì công tác thuộc về thủ tục hành chính lại được triển khai một cách khá nhanh chóng và thuận lợi, vì thế các DN công nghiệp đánh giá khá cao về nhân tố này tại đây, còn đối với TM - DV thường thì các dự án thuộc lĩnh vực này cần những vị trí mặt bằng rộng và bằng phẳng để xây dựng các công trình như công viên, trung tâm thương mại, trung tâm vui chơi giải trí hay các siêu thị, vì vậy công tác về giải phóng mặt bằng thường gặp nhiều khó khăn hơn khiến thủ tục hành chính trì trệ. Đây cũng là một khâu khá quan trọng cần khắc phục để bước đầu tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc bất kỳ một lĩnh vực nào khi đầu tư.

Đa số các nhân tố thuộc về thủ tục hành chính đều đạt điểm đánh giá thấp. Đây đều là các nhân tố thuộc về thủ tục, giấy tờ. Vì vậy các cơ sở ban ngành có liên quan cần chú trọng đến vấn đề này nhiều hơn nữa, cải cách các thủ tục, triển khai nhanh gọn, thuận tiện cho các nhà đầu tư để tiếp cận thông tin và tiến hành các thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, tránh ảnh hưởng đến tiến độ của các dự án.

Nếu các vấn đề liên quan đến các nhân tố nêu trên được tiến hành minh bạch, rõ ràng và thuận tiện sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư tiếp cận dự án đầu tư, tiếp

cận thị trường, triển khai dự án và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Ngược lại, nhà đầu tư không được hướng dẫn rõ ràng họ sẽ ngân ngại để quyết định đầu tư. Các yếu tố này không chỉ được thực hiện trong giai đoạn đầu của quá trình đầu tư mà nó còn có tác động rất lớn khi các dự án đã đi vào hoạt động. Các nhà đầu tư sẽ lo ngại trong quá trình họ đầu tư thì nhà nước sẽ thay đổi như thế nào về chính sách, về thủ tục pháp lý. Sự thuận lợi, linh hoạt hay cứng nhắc, chậm trễ trong việc thực thi các quy phạm pháp luật cũng tác động rất lớn đến nhà đầu tư. Nên việc nhận diện được nhân tố này sẽ giúp cho chúng ta tìm ra được những giải pháp hữu hiệu trong quá trình tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

#### 2.4.2.3. Nhóm nhân tố thuộc về chính sách

Nhân tố này có ý nghĩa rất lớn trong quyết định đầu tư vốn của các nhà đầu tư. Đó là những chính sách ưu đãi trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư khi quyết định bỏ vốn đầu tư, họ sẽ quan tâm đến lợi ích ban đầu nhận được khi đầu tư vào Thành phố Huế là gì? Lợi ích các nhà đầu tư quan tâm nhiều nhất là lợi ích dài hạn, nó quyết định khả năng thu hút nhà đầu tư của tất cả các môi trường đầu tư nói chung và Thành phố Huế nói riêng. Đồng thời tạo điều kiện để giữ chân nhà đầu tư và cũng là những gì mà nhà đầu tư có thể tận dụng để phát huy tính hiệu quả dự án đầu tư của mình về lâu dài. Nhóm nhân tố này được thống kê theo bảng 19.

**Bảng 19: Mức độ hài lòng của DN về nhóm yếu tố chính sách**

Các yếu tố	BQC	Loại DN		
		TM-DV	CN	Khác
1. Có nhiều CS ưu đãi	3.25	3.42	3.00	3.32
2. Chính sách xúc tiến ĐT	3.19	3.43	3.00	3.14

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2016).

Nhân tố chính sách ưu đãi đầu tư đạt GTTB là 3.25, có thể nói rằng chính sách ưu đãi là nhân tố hấp dẫn các nhà đầu tư khi đến Thành phố Huế. Thành phố Huế có những chính sách ưu đãi về thời gian thuê đất dài hạn cũng như miễn tiền thuê đất 6 tháng đầu kinh doanh sản xuất, hỗ trợ chi phí đào tạo lao động, các chính sách hỗ trợ về tính dụng và các chính sách hỗ trợ khác như: các doanh nghiệp có dự án thuộc danh mục hỗ trợ đầu

tư được hỗ trợ chi phí đi lại để tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo Kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm của Tỉnh...

Chính sách xúc tiến đầu tư chỉ đạt GTTB ở mức là 3.19, mặc dù tỉnh Thừa Thiên Huế đã có tổ chức các đợt xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hướng đến các nhà đầu tư cụ thể để kêu gọi đầu tư nhưng có vẻ như các nhà đầu tư biết đến Thành phố Huế không phải chỉ nhờ vào hoạt động quảng bá, xúc tiến đầu tư nơi đây. Trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa công tác này để hình ảnh Thành phố Huế có thể đến với các nhà đầu tư trong và ngoài nước một cách hiệu quả nhất, nhằm thu hút nhiều hơn nữa các dự án đăng ký đầu tư trong tương lai.

**2.4.3. Đánh giá của doanh nghiệp về sự cần thiết cải thiện một số yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư ở TP Huế**

Tương tự, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ cần thiết từ rất thấp đến rất cao, với câu hỏi Theo ông/bà để đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp vào Thành phố Huế trong thời gian tới cần cải thiện các yếu tố nào sau đây? Kết quả được thể hiện ở bảng 20 sau đây:

**Bảng 20: Mức độ cần thiết cải thiện yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của DN**

Yếu tố đánh giá	BQC	Loại DN		
		TM -DV	CN	Khác
1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng	4.67	4.63	5.00	4.57
2. Tiếp cận đất đai dễ dàng hơn	4.43	4.26	5.00	4.57
3. Tạo môi trường kinh doanh đa dạng, nhiều cơ hội kinh doanh hơn	4.67	4.58	4.75	4.86
4. Thông tin chính sách quản lý FDI rõ ràng	4.70	4.63	4.75	4.86
5. Đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư	4.73	4.63	4.75	5.00
6. Thêm ưu đãi	4.53	4.32	4.75	5.00
7. Hỗ trợ pháp luật	4.57	4.42	4.75	4.86

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2016).



Trong quá trình đầu tư, nhà đầu tư hay doanh nghiệp thường gặp những khó khăn ở nơi đầu tư như vấn đề cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, khó tìm được mặt bằng kinh doanh phù hợp, các thông tin về chính sách quản lí các doanh nghiệp có vốn FDI không rõ ràng, thủ tục cấp phép rườm rà ảnh hưởng đến tiến độ công việc, các ưu đãi dành cho doanh nghiệp có vốn FDI còn hạn chế, cần được hỗ trợ pháp luật... vì vậy hầu hết các nhà đầu tư trên địa bàn thành phố Huế đều cho rằng hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn, có biện pháp giúp nhà đầu tư tiếp cận đất đai dễ dàng hơn, tạo môi trường kinh doanh đa dạng, công khai và phổ biến các chính sách quản lí FDI, thêm các ưu đãi cho doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, hỗ trợ pháp luật và đặc biệt đơn giản hóa thủ tục hành chính (GTTB cao nhất 4.73) là rất cần thiết.

**2.5. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ HUẾ**

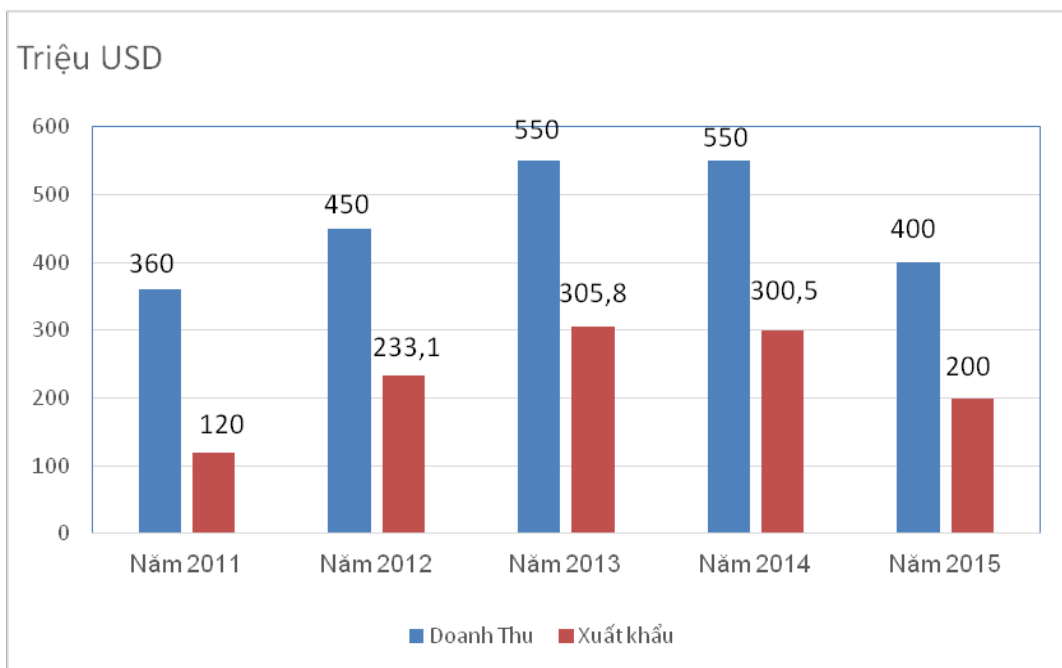
**2.5.1. Kết quả và hiệu quả đạt được từ đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Huế**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại thành phố Huế. Nhìn chung, hoạt động của các doanh nghiệp FDI bước đầu có dấu hiệu khởi sắc, sự đóng góp chủ lực của các đơn vị hàng đầu của thành phố Công ty LD khách sạn Kinh Thành, Công ty TNHH MTV thực phẩm Huế, Công ty Cổ phần Espace Business Huế, chi nhánh công ty TNHH Lottecinema Việt Nam tại Thành phố Huế...

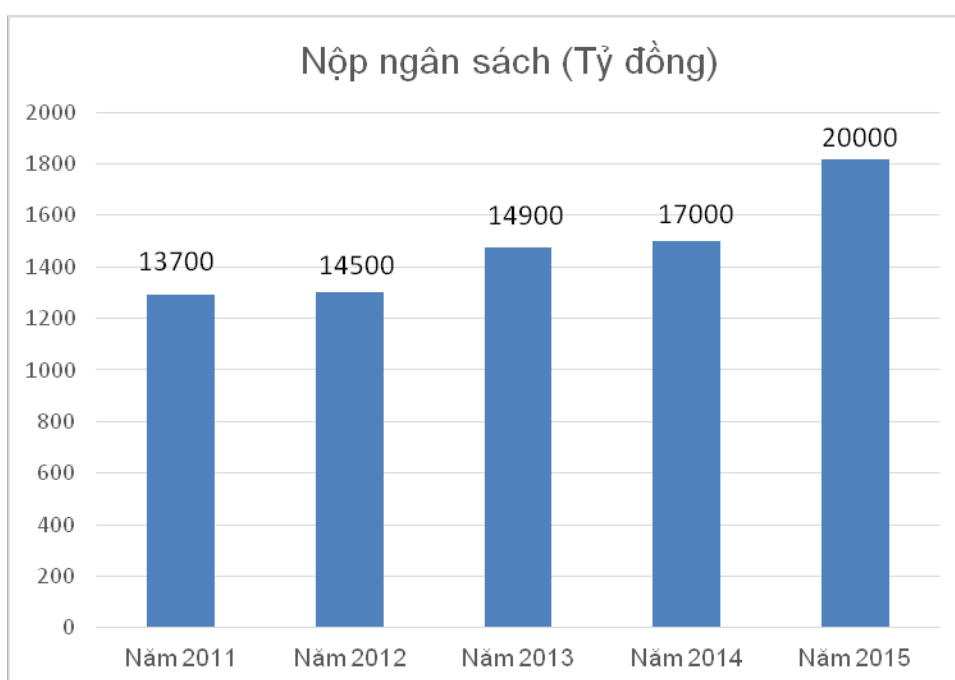
**Bảng 21: Kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại thành phố Huế**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2015/2011</b>
Doanh thu (Triệu USD)	360,0	450,0	550,0	550,0	400,0	111,11
Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)	120,0	233,1	305,8	310,5	200,0	166,67
Nộp ngân sách (Tỷ đồng)	1.290,0	1.300,0	1.475,0	1.500,0	1.819,0	141,01
Tổng lao động việc làm (người)	13.700	14.500	14.900	17.000	20.000	145,99

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TT.Huế*



**Hình 2.6: Doanh thu, kim ngạch xuất khẩu của các dự án FDI đầu tư vào thành phố Huế trong giai đoạn 2011 – 2015**



**Hình 2.7: Nộp ngân sách của các dự án FDI đầu tư vào thành phố Huế trong giai đoạn 2011 – 2015**

Năm 2011 doanh thu đạt được là 360 triệu USD nộp ngân sách 1.290,0 tỷ đồng. Doanh thu của khu vực FDI có xu hướng tăng dần qua các năm, đến năm 2014 thì

doanh thu ngừng tăng, năm 2015 giảm xuống còn 400 triệu USD, mặc dù vậy nộp ngân sách và tổng số lao động việc làm vẫn tăng. Từ năm 2011 đến 2013 doanh thu tăng dần, điều này cho thấy vốn đầu tư trong giai đoạn này đã bắt đầu phát huy hiệu quả. Kim ngạch xuất khẩu tăng từ năm 2011 đến 2014, năm 2014 kim ngạch xuất khẩu đạt 310,5 triệu USD, tăng hơn gấp đôi so với năm 2011. Nộp ngân sách năm 2015 là 1.819,0 tỷ đồng tăng khoảng 21,27% so với năm ngoái, góp phần tạo việc làm ổn định cho khoảng 20.000 lao động.

Hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài ở thành phố Huế những năm qua khá khiêm tốn so với nhiều tỉnh, thành phố lớn, chưa tương xứng với tiềm năng. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận nhiều dự án đầu tư đang phát huy tốt hiệu quả và đóng vai trò quan trọng vào sự phát triển kinh tế của địa phương. Nói đến các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên đất thành phố Huế, nhiều người thường nhắc đến các "tên tuổi lớn", như Cty TNHH Luks Trường An, Công ty LD khách sạn Kinh Thành, Cty TNHH Phong Thịnh, Công ty liên doanh Khách sạn bờ sông Thanh Lịch, khách sạn Century, Cùng với Công ty Thực phẩm Huế, Công ty Liên doanh Việt Pháp Service... gần đây, các liên doanh trồng và chế biến cây nguyên liệu giấy xuất khẩu Huế, Điện tử HE, Chi nhánh Lotteriacinema Việt Nam tại thành phố Huế... đi vào hoạt động và phát huy có hiệu quả.

***\*Hiệu ứng lan toả của các doanh nghiệp FDI:***

Hoạt động có hiệu quả của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã tạo ra hiệu ứng lan toả cao, nhất là khi tập trung đầu tư khai thác khu du lịch tiềm năng Huế. Dịch vụ du lịch phát triển kéo theo ngành Xây dựng, ngành Công nghiệp chế biến, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông... cùng tăng trưởng theo, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động. Việc tập trung đầu tư vào dịch vụ khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, các trung tâm thương mại, giao dịch quốc tế... không chỉ thu hút ngày càng nhiều du khách trong nước và nước ngoài đến Thừa Thiên Huế mà còn làm bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh sáng dần lên, mang nhiều màu sắc ấn tượng.

*Nói chung, những kết quả và hiệu quả đạt được từ đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thừa Thiên Huế có thể được chung quy lại:*

- **FDI vào thành phố Huế có xu hướng tăng trở lại:** Sau khủng hoảng kinh tế khu vực, từ năm 2001 đến nay, đầu tư nước ngoài vào thành phố Huế có xu hướng phục hồi tuy vẫn còn biến động. Các chỉ tiêu kinh tế – xã hội (giá trị doanh thu, xuất khẩu, nộp ngân sách, tạo việc làm...) đều tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước, thể hiện môi trường đầu tư và kinh doanh đã ngày càng được cải thiện, tạo điều kiện để các dự án sau khi được cấp phép triển khai có hiệu quả. Doanh thu của khu vực FDI có xu hướng tăng dần qua các năm, năm 2012 tăng đột biến với 360 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu 30,78 tỷ đồng, nộp ngân sách 127,31 tỷ đồng tăng khoảng 18% so với năm ngoái, chiếm khoảng 13,3 % tổng thu ngân sách địa phương từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, góp phần tạo việc làm ổn định cho khoảng 1500 lao động và hàng trăm lao động gián tiếp. Trình độ kinh nghiệm và năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ từng bước được củng cố và hoàn thiện, người lao động có điều kiện tiếp thu kỹ thuật và công nghệ mới, lao động có kỉ luật, có năng suất...

- **FDI góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế:** Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với chiến lược phát triển của thành phố: chú trọng vào đầu tư dịch vụ và khoa học công nghệ theo hướng hiện đại hóa . Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 33,7% (năm 2010) lên 34,7% (năm 2015); dịch vụ tăng tương ứng từ 51,3% lên 55,7%; nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 15,0% xuống còn 9,6%. Cơ cấu đầu tư nước ngoài vào ngành dịch vụ ngày càng tăng nhất là đối với dịch vụ du lịch.

- **Nhiều dự án FDI hoạt động có hiệu quả:** Hàng năm có nhiều dự án đầu tư mới vào thành phố chứng tỏ ngày càng có nhiều dự án đầu tư nước ngoài hoạt động có hiệu quả. Kết quả này cho thấy xu hướng phục hồi dòng vốn đầu tư nước ngoài rõ rệt hơn so với các năm trước kể từ sau khủng hoảng tài chính khu vực.

- **Việc thu hút FDI đã chú trọng nhiều hơn đến chất lượng phục vụ:** Tình hình thu hút đầu tư ở thành phố ngày càng được nâng cao, chất lượng phục vụ cũng được cải thiện hơn qua qui mô các dự án.

- **Phần lớn công nghệ, thiết bị của doanh nghiệp FDI là những công nghệ tiên tiến và hiện đại:** Các dự án FDI sử dụng thiết bị và công nghệ mới, đặc biệt như thiết bị công nghệ sản xuất rượu Sake... Thu hút đầu tư nước ngoài đã chú trọng kết

hợp các dự án công nghệ hiện đại với các dự án thu hút nhiều lao động, tham gia phát triển nguồn nhân lực.

Để đạt được những kết quả và hiệu quả nói trên, thành phố Huế cũng phải có những thay đổi về chính sách và chiến lược thực hiện nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả nhất vốn đầu tư huy động được. Lộ trình áp dụng cơ chế một giá đã được đẩy nhanh. Từ đầu năm 2004, giá vé máy bay được áp dụng chung cho người Việt Nam và người nước ngoài, đồng thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ nhà đầu tư giảm chi phí sản xuất như cắt giảm cước phí viễn thông, hỗ trợ trả chi phí các công trình điện ngoài hàng rào, nâng tỉ lệ quảng cáo được khấu trừ.

Môi trường kinh doanh được cải thiện đáng kể, ngoài việc thực hiện tốt hơn hệ thống chính sách của Nhà nước, đây là thời kỳ Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách về ưu đãi đầu tư (thuế đất, thuế quan áp dụng đối với các doanh nghiệp FDI có những ưu đãi nhất định, được hưởng thuế suất thu nhập doanh nghiệp 10% áp dụng trong vòng 15 năm, giảm 50% phải nộp trong vòng 09 năm đầu, được giảm 50% thuế thu nhập, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, xuất khẩu trực tiếp hàng hoá và dịch vụ, tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư – thương mại – du lịch... tạo môi trường đầu tư và sản xuất kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, thu hút được nhiều nguồn lực cho mục tiêu phát triển.

Trong những năm qua, hoạt động xúc tiến đầu tư đã có dấu hiệu khởi sắc, được quan tâm với “Hội chợ đầu tư” trong dịp Festival Huế; tham gia tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội qua đó đã gặp gỡ, liên hệ với các nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước; tham gia xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc do Bộ Kế hoạch & Đầu tư tổ chức; tham gia các khóa tập huấn, các hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư nước ngoài do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức; tiến hành rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh danh mục các dự án kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài; thiết lập đường bay Huế – Đà Lạt, Huế – Thái Lan Liên tục cập nhật, lựa chọn và xây dựng các dự án có tính khả thi cao và phù hợp nhằm giới thiệu với các nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, tác động của những điều kiện thuận lợi đã đem lại tốc độ tăng trưởng cao cho nền kinh tế của thành phố Huế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP năm 2015 đạt 9,03% là con số khá ổn, cộng với lợi thế so sánh về tài nguyên và du lịch đã trở thành điểm cơ bản thu hút được vốn đầu tư từ nước ngoài.

## **2.6. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ TẠI THÀNH PHỐ HUẾ**

### **\* Cơ hội :**

*Thứ nhất*, xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới và nhất là Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 150 của WTO đã tạo cơ hội cho Việt Nam nói chung và TP Huế nói riêng trong hoạt động thu hút vốn FDI.

*Thứ hai*, TT Huế là một trong 5 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội, việc thông thương bằng đường bộ, đường hàng không giữa các nước tiểu vùng sông Mê Kông sẽ tạo điều kiện mở rộng quan hệ hợp tác phát triển kinh tế giữa các tỉnh, quốc gia trong khu vực.

*Thứ ba*, môi trường đầu tư của Việt Nam ngày càng được cải thiện. Kinh tế xã hội tiếp tục ổn định và phát triển với tốc độ cao. Luật Doanh nghiệp và Luật đầu tư chung có hiệu lực thi hành tạo môi trường đầu tư thông thoáng.

*Thứ tư*, sự ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh chính trị, thành công cải cách kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư cũng là cơ hội để thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nói chung và thành phố Huế.

### **\* Thách thức :**

*Thứ nhất*, xu hướng toàn cầu hóa không chỉ là cơ hội mà còn thách thức trong cạnh tranh thu hút đầu tư mang tầm quốc tế. Gia nhập WTO hàng rào thuế quan được xóa bỏ, hàng hoá nước ngoài sẽ tràn ngập thị trường Việt Nam, trong khi xuất khẩu của Việt Nam chưa hẳn đã tăng được nếu chất lượng, bao bì, nhãn hiệu, giá cả,.. của hàng hoá chưa phù hợp với thị trường xuất khẩu.

*Thứ hai*, đầu tư vào miền Trung gặp rủi ro hơn các vùng khác, do ảnh hưởng điều kiện tự nhiên không thuận lợi, thị trường nhỏ lẻ, chi phí vận chuyển cao.

*Thứ ba*, các tỉnh, thành phố trong khu vực miền Trung, đặc biệt là vùng có du lịch đều có môi trường tốt hơn thành phố Huế, vì vậy môi trường đầu tư và cạnh tranh thu hút FDI trong thời gian tới là hết sức khắc nghiệt.

*Thứ tư*, đầu tư trực tiếp nước ngoài có ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường, cảnh quan thiên nhiên ảnh hưởng đến di sản văn hoá thế giới. Ngoài ra, FDI còn kèm theo những dịch bệnh, trật tự an toàn xã hội, văn hoá đồi trụy....

**\* Điểm mạnh:**

*Thứ nhất*, sự ổn định về kinh tế, chính trị, an ninh xã hội là điều kiện đầu tiên mà các nhà ĐTNN tính đến khi có ý định đầu tư vào Việt Nam nói chung, thành phố Huế nói riêng.

*Thứ hai*, thành phố Huế tiềm năng phát triển kinh tế trong tương lai là kỳ vọng của nhà ĐTNN: Thành phố Huế là Di sản văn hoá của thế giới, có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp. Tỉnh TT Huế có bờ biển dài 126 km, có Phú Tam Giang rộng nhất Đông Nam Á. Môi trường trong lành. Tất cả sẽ mang lại thuận lợi để phát triển ngành du lịch (du lịch biển, du lịch sinh thái...).

*Thứ ba*, nguồn lao động dồi dào, chi phí nhân công tương đối thấp. Lao động được đào tạo cơ bản từ hệ thống 9 trường đại học, cao đẳng của tỉnh và các tỉnh lân cận khác.

*Thứ tư*, sân bay Phú Bài đã thực hiện các chuyến bay mới Huế – Băng Cốc, Huế – Đà Lạt.

**\* Điểm yếu:**

*Thứ nhất*, điều kiện khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, lũ lụt vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô làm ảnh hưởng đến hoạt động du lịch.

*Thứ hai*, Lao động có tay nghề cao trong một số ngành nghề còn hạn chế, thiếu tính năng động, chưa thích ứng với kinh tế thị trường. Chính sách sau đầu tư của địa phương chưa đáp ứng được mong muốn của nhà đầu tư, do ngân sách Nhà nước địa phương chưa đủ mạnh để thực hiện thường xuyên nhiệm vụ này. Cơ chế phối hợp giữa các Sở, ban ngành chưa thống nhất. Trình độ của cán bộ còn hạn chế về năng lực quản lý, năng lực tham mưu.

*Thứ ba*, chi phí sản xuất kinh doanh cao (do chi phí vận chuyển nguyên vật liệu, tiêu thụ hàng hoá lớn, chi phí về viễn thông cao).

*Thứ tư*, các quan hệ thị trường yếu và chưa sôi động: sức mua của thị trường yếu, các dịch vụ hỗ trợ thiếu, hoạt động của các DN liên quan chưa mạnh.

Thứ năm, hạ tầng cơ sở vẫn còn nhiều yếu kém: Hệ thống giao thông xuống cấp nhanh chóng, phải sửa chữa nâng cấp thường xuyên.

\* Lập mô hình ma trận SWOT cho môi trường đầu tư

Sau đây là mô hình ma trận SWOT

<p><b>Cơ hội (Opportunity)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Xu thế hội nhập của kinh tế thế giới</li> <li>* Các nhà đầu tư nước ngoài ngày càng đánh giá cao môi trường đầu tư Việt Nam</li> <li>* Thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, được Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi để phát triển</li> </ul>	<p><b>Thách thức (Threat)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Thách thức trong việc cạnh tranh thu hút đầu tư mang tầm quốc tế</li> <li>* Sự cạnh tranh khốc liệt của các tỉnh miền Trung trong việc thu hút FDI</li> <li>* FDI ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường, cảnh quan thiên nhiên</li> </ul>
<p><b>Điểm mạnh (Strong)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Sự ổn định về kinh tế chính trị, xã hội</li> <li>* Tiềm năng phát triển kinh tế tương đối cao</li> <li>* Nguồn lao động dồi dào, chi phí nhân công rẻ</li> <li>* Có đường bay Huế - Băng Cốc, Huế - Đà Lạt</li> </ul>	<p><b>Điểm yếu (Weak)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Thời tiết, khí hậu khắc nghiệt</li> <li>* Lao động có tay nghề cao còn hạn chế</li> <li>* Sức mua thị trường còn yếu</li> <li>* Cơ sở hạ tầng còn yếu kém</li> </ul>

## **2.7. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG VIỆC THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ HUẾ**

### **2.7.1. Những mặt hạn chế trong việc thu hút FDI vào thành phố Huế**

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, trong hoạt động đầu tư nước ngoài tại Thừa Thiên Huế trong những năm qua vẫn còn những hạn chế cần phải khắc phục:

- **Tiến độ thu hút FDI thấp so với cả nước:** Từ năm 1991 đến nay, tiến độ thu hút FDI của thành phố Huế thấp so với cả nước. Vốn đầu tư đăng ký mặc dù tăng nhưng vẫn còn thấp so với các huyện khác. Vốn đầu tư cấp mới và thực hiện tuy tăng qua các năm nhưng tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội vẫn chiếm một tỷ trọng rất thấp, chưa tương xứng với tiềm năng thực tế. Đa số vốn đầu tư tập trung chảy về những địa phương có điều kiện thuận lợi hơn. Bên cạnh đó,



còn nhiều dự án chưa tổ chức triển khai thực hiện vì vấn đề tài chính, do chủ quan thiếu thông tin, chưa thẩm định kỹ về tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài. Từ đó số vốn đầu tư thực hiện không lớn, thu hút lao động không nhiều. Vốn FDI đầu tư vào các ngành chưa đủ lớn, chưa thực hiện đầy đủ vai trò bổ sung nguồn vốn còn thiếu cho đầu tư phát triển trong nhiều năm qua, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế của địa phương.

**- Sự phối hợp trong quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài chưa đồng bộ và thiếu rành mạch:** Cơ quan xúc tiến đầu tư từ Trung ương đến địa phương chưa tổ chức thành một hệ thống, hiện còn nhiều đầu mối, mô hình tổ chức khác nhau và hoạt động nghiệp vụ bị "cắt khúc", không đồng hành tới cùng với nhà đầu tư... đang là một thách thức không nhỏ trong hoạt động vận động thu hút đầu tư vào khu vực này. Bên cạnh đó các Sở, Ngành thường ít quan tâm hoạt động của doanh nghiệp sau cấp giấy phép đầu tư, lãng tránh nhiệm vụ quản lý của mình mà uỷ thác cho các cơ quan tổng hợp, công tác báo cáo định kỳ của các doanh nghiệp chưa thường xuyên.

**- Sự liên kết giữa khu vực Đầu tư nước ngoài và kinh tế trong thành phố còn lỏng lẻo:** Khả năng góp vốn của phía Việt Nam còn hạn chế, nên hình thức đầu tư liên doanh với số vốn chủ yếu là của nước ngoài đóng góp, do đó tỷ lệ chia lợi nhuận phía bên ta vẫn chịu thiệt thòi hơn, đây cũng là tồn tại chung của cả nước chứ không riêng thành phố Huế. Đối tác tham gia trong các dự án liên doanh còn hạn chế về số lượng. Không có nhiều doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia liên doanh với nước ngoài, chỉ có các doanh nghiệp Nhà nước.

**- Hệ thống luật pháp, chính sách còn nhiều hạn chế:** Những tồn tại trong việc đổi mới chính sách pháp luật: còn nhiều vướng mắc, lúng túng trong việc thực hiện Luật đầu tư mới, ngay cả khi đã có thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành Luật cụ thể. Mức am hiểu về hệ thống luật pháp của các tổ chức Quốc tế còn hạn chế. Cơ chế phối hợp quản lý giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ, các thủ tục liên quan đến triển khai giấy phép đầu tư đã được tinh giản nhưng vẫn chưa được phổ rộng.

**- Môi trường đầu tư còn thiếu hấp dẫn, còn nhiều rủi ro:** Môi trường đầu tư trên địa bàn chưa thật sự thuận lợi, thiếu hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài, còn nhiều rủi ro, chính sách hay thay đổi; hàng loạt vấn đề có liên quan đến chính sách, cân đối ngoại tệ, xuất nhập khẩu còn nhiều vướng mắc chưa được tháo gỡ kịp thời. Những yếu tố thuộc về chủ quan không phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên như: quy

định chính sách ưu đãi đầu tư, công tác thẩm định thiết kế kỹ thuật, hỗ trợ hướng dẫn pháp luật, giải quyết đền bù,.. chưa mang lại sự thuận lợi cho các nhà đầu tư, thậm chí còn nhiều khó khăn. Hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém và bất lợi cho việc thu hút đầu tư.

- **Chiến lược gọi vốn chưa được cụ thể hoá:** Chiến lược gọi vốn chưa được cụ thể hoá mặc dù lĩnh vực ưu thế là Dịch vụ – Du lịch được thành phố ưu tiên nhưng đến nay mới chỉ có hơn 15 dự án trong tổng số hơn 4.000 dự án đầu tư FDI về Dịch vụ – Du lịch của cả nước, chủ yếu các dự án tập trung ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng... Hạ tầng cơ sở thiếu đồng bộ và chưa đáp ứng nhu cầu của các dự án đầu tư ở nhiều lĩnh vực khác nhau, đòi hỏi vốn đầu tư lớn để phát triển. Do vậy các dự án FDI phân bổ không đồng đều về cả lãnh thổ và ngành, trong khi đó các dự án lại cần có điều kiện phát triển kinh tế thuận lợi như gần thành phố, có hệ thống giao thông, điện nước tốt.

- **Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư trong nhiều năm trước đây không thực hiện:** Các quy định về ưu đãi, thu hút đầu tư nước ngoài chậm ban hành, còn phân biệt giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài khi xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư. Định hướng thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực với danh mục các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài thiếu hấp dẫn. Công tác tổ chức, quản lý hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài còn bị động, thiếu kịp thời, mang nặng hình thức, chất lượng chưa cao.

- **Trình độ của nguồn nhân lực còn chưa cao:** Nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ công nhân lành nghề còn yếu và thiếu. Kiến thức, kỹ năng, trình độ nghiệp vụ của cán bộ làm công tác quản lý đầu tư nhìn chung chưa đồng bộ, có kiến thức kinh tế và đủ vốn ngoại ngữ thông dụng (tiếng Anh) hầu như chưa đáp ứng đủ nhu cầu tuyển dụng, chủ yếu làm việc theo kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công tác. Một số Sở chuyên ngành có thể mạnh thu hút FDI nhưng không có cán bộ làm công tác này, hạn chế rất lớn khả năng thu hút nguồn lực từ bên ngoài. Riêng số người biết tiếng Nhật, một quốc gia có nhiều đầu tư vào khu vực còn đang hiếm, trong khi các dự án đầu tư vào của quốc gia này ngày càng tăng.

**2.7.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc thu hút FDI vào thành phố Huế**

Những hạn chế mà thành phố Huế gặp phải trong quá trình thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài do nhiều nguyên nhân tác động, trong đó có một số nguyên nhân cơ bản sau:

*Điều kiện nền kinh tế thành phố Huế chưa đủ độ để huy động mọi nguồn lực:*

**- Công tác quy hoạch vùng, quy hoạch ngành chưa tốt, còn thiếu dẫn đến chất lượng và hiệu quả đầu tư thấp.**

**- Nguồn vốn NGO và ODA chưa tạo cơ sở cho FDI đi theo:** Trong nhiều năm vận động, quá trình thu hút các nguồn vốn NGO, ODA còn nhiều hạn chế. Nguồn vốn này không tăng nhiều qua các năm. Một thực tế cho thấy rằng, các địa phương nào có các nguồn vốn NGO, ODA thực hiện sớm và nhiều thì tiếp theo sau đó nguồn vốn FDI sẽ dễ dàng đi theo. Bởi vì nguồn vốn NGO và ODA là nguồn vốn đầu tư vào các lĩnh vực hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội không có khả năng thu hồi vốn hoặc khả năng thu hồi vốn thấp.

**- Sự cạnh tranh thu hút vốn đầu tư nước ngoài giữa các khu vực, các tỉnh** diễn ra ngày càng gay gắt, năng lực cạnh tranh của thành phố còn thấp, thị trường còn hạn hẹp. Việc đa dạng hoá các hình thức đầu tư để khai thác thêm các kênh thu hút đầu tư mới cũng như việc thành lập và triển khai một số mô hình khu kinh tế mở còn chậm.

**- Kinh phí đầu tư cho công tác xúc tiến đầu tư còn hạn hẹp:** nên chưa chủ động tổ chức được nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư hướng vào các địa bàn trọng điểm như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản...

**- Nhà đầu tư chưa hài lòng với các thủ tục quản lý hành chính của thành phố:** Năng lực của cán bộ làm công tác quản lý đầu tư chưa đủ tầm, thời gian chờ đợi cấp giấy phép đầu tư lâu, triển khai chậm, kém hiệu quả. Thông tin hướng dẫn thiếu sự thống nhất, quy định về thẩm định dự án còn phức tạp. Chính sách thu hút đầu tư đã được cải thiện song chưa có sức hấp dẫn mạnh vì khi so với các chính sách thu hút đầu tư của các tỉnh, thành phố khác thì tỉnh ta vẫn còn chưa thông thoáng về giá cả, chi phí còn cao.

**- Hệ thống cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư nghiên cứu để đầu tư chưa khả thi, chưa đầy đủ:** Thông tin về văn bản pháp luật, thông tin về DN trên địa bàn,

đối tác liên doanh bên Việt Nam, nguồn lao động, hạ tầng, thông tin về quy hoạch... Cụ thể là chất lượng chuyên tải thông tin trên trang Website của địa phương còn rất hạn chế, chưa kịp thời, chưa phong phú.

- **Thiếu thông tin và hiểu biết về các nhà đầu tư nước ngoài:** Đây là vấn đề quan trọng để có thể chủ động đáp ứng sự mong muốn, mang đến sự thuận lợi cho các nhà đầu tư mà trong một thời gian dài chúng ta chưa thực hiện được, như mong muốn đầu tư vào ngành du lịch, dịch vụ; muốn có sự thuận lợi, nhanh chóng trong việc cấp phép, thẩm định kỹ thuật, hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ đền bù...

- **Năng lực của đội ngũ lao động:** năng lực của đội ngũ cán bộ làm việc trong công tác thu hút đầu tư nước ngoài còn thiếu về số lượng, mang tính thời vụ, hạn chế về chất lượng và động cơ làm việc do thu nhập thấp. Trong khi ở một số nơi, một số cơ quan Nhà nước thừa cán bộ, thừa lao động có khả năng huy động được. Đây là một nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự thiếu hụt về nguồn nhân lực.

- **Yếu tố địa lý, môi trường:** Thành phố Huế nằm trong dải đất miền Trung luôn phải gánh chịu thiên tai, thời tiết khắc nghiệt, địa hình phức tạp đã tạo ra bộ mặt không tốt cho tỉnh.

- **Tính năng động của người Huế chưa cao, bản lĩnh kinh doanh của doanh nhân trên địa bàn tỉnh còn yếu,** do đó không thể đảm bảo có đủ nhân lực chất lượng cao cho các nhà đầu tư trong khi nền kinh tế thị trường đang hình thành rõ nét, đòi hỏi chúng ta phải thích ứng. Đó là những nguyên nhân làm cho hoạt động của các doanh nghiệp liên quan không sôi động, sức mua thị trường còn yếu, các dịch vụ hỗ trợ chưa phong phú.

Bản thân các nhà quản trị doanh nghiệp trong thành phố không chủ động và mạnh dạn tìm kiếm các đối tác để liên doanh, do hạn chế về nguồn lực tài chính và yếu kém khả năng quản trị. Hoạt động cổ phần hoá trong thời gian qua diễn ra còn chậm, không phát huy được vai trò tích tụ và tập trung vốn để nâng cao nguồn lực tài chính giúp các DN có điều kiện để ngồi vào bàn đàm phán liên doanh.

Trên đây là những nguyên nhân cơ bản làm hạn chế, gây khó khăn trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Huế. Cần phải nắm bắt rõ và đánh giá được vai trò của chúng trong tiến trình thu hút FDI và trong quá trình phát triển kinh tế

– xã hội, từ đó xây dựng các biện pháp, giải pháp đúng đắn, phù hợp với thực trạng của tỉnh hiện nay và tương lai. Có như vậy mới khai thác được lợi thế sẵn có của thành phố, góp phần đưa thành phố Huế trở thành đô thị loại I, thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, trung tâm du lịch, thương mại, dịch vụ và giao dịch quốc tế, một trung tâm văn hoá, trung tâm giáo dục - đào tạo và y tế chuyên sâu, cung cấp đầy đủ và hấp dẫn các dịch vụ đô thị để thu hút các ngành công nghiệp cho không chỉ trong nước mà còn cho cả các địa phương trong tiểu vùng.

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ HUẾ

### 3.1. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ HUẾ

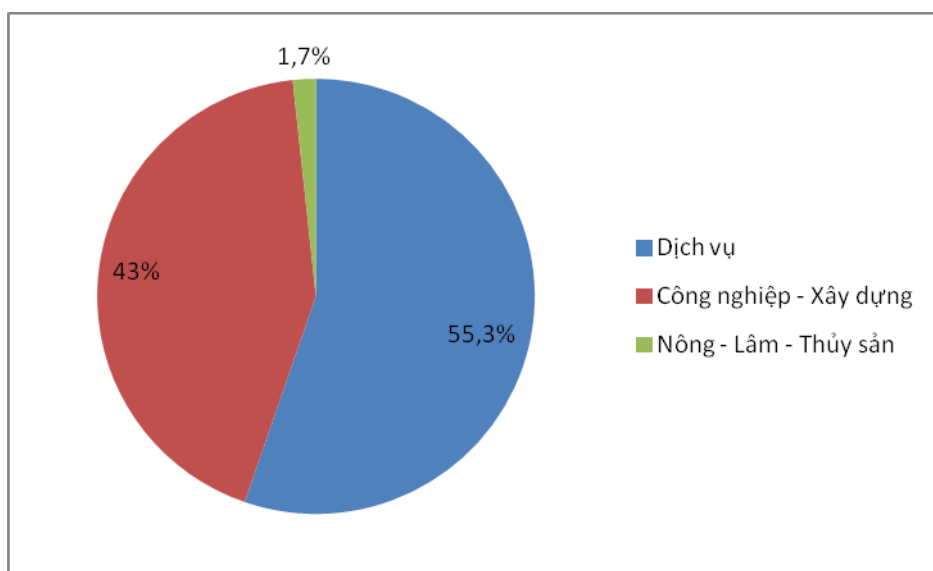
Căn cứ vào những thành tựu đạt được và tiềm năng phát triển, thành phố Huế đã định ra những mục tiêu chủ yếu cho đến năm 2020 như sau:

+ Phần đầu đạt mức tăng trưởng kinh tế bình quân ít nhất 15 - 16%. Nhanh chóng đuổi kịp và vượt mức GDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt trên 4000 USD/người.

+ Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Tạo mọi điều kiện cho mục tiêu tăng nhanh xuất khẩu, thu hút vốn và công nghệ từ bên ngoài. Phần đầu kim ngạch xuất khẩu đạt ít nhất khoảng 1 tỷ USD vào năm 2020.

+ Tích cực đầu tư tạo thêm nguồn thu mới cho ngân sách, quản lý và tổ chức tốt nguồn thu ngân sách trên địa bàn tỉnh. Phần đầu đạt tỷ lệ thu ngân sách từ GDP chiếm trên 14% năm 2020. Thực hiện tiết kiệm chi, tăng chi hợp lý cho đầu tư phát triển.

- Cơ cấu kinh tế thể hiện ở sơ đồ sau:



(Nguồn: Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội thành phố Huế năm 2016).

**Hình 3.1: Cơ cấu kinh tế của thành phố Huế dự kiến đến năm 2016**

- Phần đầu ổn định và từng bước giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị và nâng thời gian sử dụng lao động khu vực nông thôn lên khoảng 90% năm 2020.

- Là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa cấp, chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ thông tin, y học và văn hoá nghệ thuật.
- Hoàn thành việc xây dựng Huế là trung tâm y tế kỹ thuật cao cấp quốc gia, trung tâm cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao có đẳng cấp quốc tế.
- Giảm hộ nghèo mỗi năm 1 – 2%.
- Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên trên 50% vào năm 2020.

### **3.2. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ HUẾ**

\* Thành phố Huế đã đưa ra một số định hướng phát triển KT - XH của thành phố trong tương lai như sau:

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tăng hàm lượng công nghệ trong sản phẩm.
- Chủ động và khẩn trương hội nhập kinh tế quốc tế, tạo cơ chế thông thoáng môi trường thuận lợi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi để tăng nhanh xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ đặc biệt là công nghệ cao từ bên ngoài.
- Đầu tư hiện đại hoá công nghệ, trang thiết bị theo hướng đổi mới đồng bộ và ứng dụng công nghệ - kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất công nghiệp. Chuyển đổi, cơ cấu lại sản xuất công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sạch, kỹ thuật-công nghệ cao, có sức cạnh tranh.
- Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, tiếp tục giảm nghèo và nâng cao đời sống của nhân dân.
- Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ chất lượng và trình độ cao, tạo giá trị gia tăng lớn, trong đó, chú trọng những dịch vụ gắn liền với hoạt động Festival như du lịch, khách sạn, tài chính - ngân hàng, thông tin - viễn thông, thiết kế phần mềm tin học, đào tạo và dịch vụ y tế trình độ và chất lượng cao...
- Cải thiện đáng kể các chỉ tiêu sức khỏe cho người dân. Tiếp tục phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, giải quyết cơ bản và có hiệu quả các tệ nạn xã hội. Tạo ra nhiều việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp.

\* Riêng định hướng tác động của vốn FDI đối với phát triển KT – XH phải phù hợp với yêu cầu và quan điểm về phát triển kinh tế theo Nghị quyết của Đảng. Dựa trên quyết định của Đảng bộ thành phố về phát triển kinh tế, có thể định hướng tác

động của vốn FDI và các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với phát triển KT - XH như sau:

- *Thứ nhất*, định hướng đối với tăng trưởng kinh tế

Định hướng thu hút và sử dụng vốn FDI vào xây dựng kết cấu hạ tầng, dịch vụ du lịch, công nghiệp nhẹ, đẩy mạnh xuất khẩu và những ngành sử dụng nhiều lao động.

\* *Thứ hai*, định hướng về tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường

Định hướng thu hút và sử dụng vốn FDI đối với những ngành công nghiệp, dịch vụ sử dụng nhiều lao động nhằm giải quyết việc làm cho người lao động và giảm tỷ lệ thất nghiệp. Khuyến khích các dự án có vốn đầu tư vào những ngành mà thành phố còn yếu như công nghệ thông tin, điện tử, khuyến khích thu hút FDI vào việc chuyển giao công nghệ sạch và những dự án bảo vệ môi trường.

Từ những định hướng về thu hút và sử dụng vốn FDI thì sẽ có những phương hướng để phát triển các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo đúng các định hướng đã nêu trên.

### **3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ HUẾ**

#### **3.3.1. Xây dựng và hoàn thiện chiến lược xúc tiến đầu tư**

Phải thấy rằng, xúc tiến đầu tư phải được nhìn dưới góc độ tổng hợp, một chu trình từ đầu vào đến đầu ra, từ thương mại, du lịch đến công nghiệp và đầu tư, nghĩa là có thị trường, sản phẩm được tiếp cận và chiếm tỷ lệ thị phần tương đối thì việc thu hút đầu tư sẽ thuận lợi hơn.

Để có thể tìm kiếm và xác định đối tác đầu tư tiềm năng có thể thông qua nhiều biện pháp và cách thức khác nhau: dẫn đầu đầu tư, các hội thảo quốc tế, các đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn ở những khu vực Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản...và định mức phân ngân sách đáp ứng cho nhu cầu xúc tiến hàng năm. Đa dạng hóa các hình thức thu hút đầu tư nước ngoài với các hình thức khác như BOT, BTO, BT.. Bên cạnh đó cần phối hợp với các tỉnh lân cận như Quảng Nam, Đà Nẵng.. để phát huy và tranh thủ các yếu tố về tài nguyên, thị trường, tạo nên sức hấp dẫn chung cho cả khu vực và cho riêng thành phố Huế.



Tiếp tục quảng bá và nâng cao hình ảnh thành phố Huế với bạn bè quốc tế và các nhà đầu tư thông qua nhiều hình thức như mở các đại hội xúc tiến đầu tư, thông qua các kiều bào đang sinh sống nước ngoài, thông qua các đại sứ quán, lãnh sự quán của Việt Nam tại các quốc gia (tăng cường xúc tiến đầu tư thông qua văn phòng đại diện ở Nhật Bản và mở rộng một số văn phòng mới ở những khu vực và quốc gia có tiềm năng như : EU.

### **3.3.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng**

Kinh nghiệm thực tiễn ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới cho thấy: Nơi nào có cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật tốt thì nơi đó có sức hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư và ngược lại. Vì vậy, phải coi xây dựng kết cấu hạ tầng như là điều kiện tiên quyết, bắt buộc không chỉ đối với đòi hỏi trước mắt mà còn lâu dài, không chỉ tiền đề cho thu hút đầu tư mà cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Qua phân tích cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài muốn đầu tư vào ngành, lĩnh vực kinh tế nào, vì vậy giải pháp đặt ra là phải đầu tư cơ sở hạ tầng cơ sở kỹ thuật cho ngành lĩnh vực đó nói riêng và hạ tầng cơ sở kỹ thuật nói chung. Muốn vậy, trước hết phải rà soát lại cơ cấu kinh tế có hợp lý. Khi định hướng phát triển cơ cấu kinh tế theo hướng nào thì việc xây dựng chính sách thu hút đầu tư phải được tiến hành theo hướng đó.

- *Hạ tầng kỹ thuật cho ngành du lịch, dịch vụ:* hãy quan niệm rằng, làm du lịch dịch vụ là phục vụ khách. Vì vậy, đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch dịch vụ phải thực hiện trước để phục vụ khách là nhà đầu tư nước ngoài. Các khu du lịch, điểm du lịch phải được đầu tư nhanh chóng hệ thống các tuyến đường đi đến, các tuyến đường nội bộ, hệ thống điện, nước. Để việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho ngành du lịch cần phải học tập các mô hình xây dựng ở các nước trên cơ sở điều kiện thực tế của Thừa Thiên Huế để thực hiện.

### **3.3.3. Bổ sung, điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện hành cần được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp. Muốn vậy, cần phải xác định cơ cấu kinh tế phù hợp. Vì khi đã xác định cơ cấu kinh tế theo hướng nào thì việc xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư cũng theo hướng đó. Các nhà đầu tư nước ngoài muốn đầu tư

vào du lịch dịch vụ, trong khi các chính sách khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp lại tập trung vào đầu tư các dự án công nghiệp mà qua một thời gian dài không có đối tác nước ngoài đến đầu tư. Những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh theo tôi là:

- Không nên quy định chi tiết các ngành, lĩnh vực khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài, mà chỉ nên quy định đối với các dự án sản xuất và các dự án thương mại dịch vụ. Các ưu đãi đầu tư cũng được thực hiện theo sự phân biệt này để nhà đầu tư dễ hiểu, dễ áp dụng.

- Địa bàn ưu đãi đầu tư cần thu hẹp số lượng các địa bàn theo hướng: khu vực thành phố, cận thành phố, vùng biển, miền núi.

- Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng cần được bổ sung, điều chỉnh và cung cấp thêm thông tin của dự án để cho nhà đầu tư nước ngoài có thêm thông tin hơn, do đó cơ hội tiếp xúc của nhà đầu tư với dự án nhiều hơn, thực hiện một chuyên công tác khảo sát đầu tư tại thành phố Huế dễ dàng hơn.

#### ***3.3.4. Cải cách hành chính đối với công tác quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài***

Bản chất của hoạt động đầu tư là tính sinh lời. Nếu nhà đầu tư mất nhiều thời gian cho các thủ tục hành chính cũng là tốn kém nhiều chi phí trong quá trình đầu tư. Để thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực này, tôi có một số biện pháp thực hiện như sau:

- Thông báo hồ sơ thủ tục, quy trình thẩm định cấp giấy phép đầu tư, đăng ký cấp Giấy phép đầu tư tại nơi làm việc và đặc biệt là trên trang Website của UBND tỉnh bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tất cả mọi hồ sơ thủ tục đều phải được dịch trước sang tiếng Anh- ngôn ngữ quốc tế thông dụng nhất để đáp ứng ngay nhu cầu của nhà đầu tư.

- Thực hiện phối hợp thường xuyên giữa các cơ quan kinh tế đối ngoại để giúp cho việc thực hiện cải cách hành chính hiệu quả hơn. Sự chòng chéo hiện nay giữa các cơ quan Nhà nước là một thực tế chưa tháo gỡ được, bởi các quy định của các văn bản hướng dẫn pháp luật không rõ ràng dẫn đến việc thực thi pháp luật khác nhau. Vì vậy, sự phối hợp thường xuyên, phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các cơ quan Nhà nước là việc làm ưu tiên trong nội dung cải cách hành chính.

Điều đáng chú ý là, để thực hiện tốt cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý FDI, chúng ta phải thực hiện trước một bước giải pháp nguồn nhân lực như đã nói trên: Nâng cao công tác tổ chức quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ. Đây được xem là điều kiện để thực hiện giải pháp cải cách hành chính. Vì lực lượng thực hiện cải cách hành chính là đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước mà hơn ai hết chính họ là điểm xuất phát đầu tiên giải quyết mọi vướng mắc, rườm rà của thủ tục hành chính.

### **3.3.5. Phát triển nguồn nhân lực**

- Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế, gắn với công việc hàng ngày của cán bộ, bảo đảm trang bị thêm kiến thức cập nhật về hành chính pháp luật, kinh tế thị trường, kỹ năng xúc tiến đầu tư, ngoại ngữ.

- Muốn thực hiện quan điểm đa dạng hoá, đa phương hoá trong đầu tư đòi hỏi những người trực tiếp thực hiện việc xúc tiến đầu tư, phải thành thạo thứ tiếng mà nhà ĐTNN sử dụng để giao dịch.

- Đào tạo lao động có tay nghề đáp ứng nhu cầu cho các doanh nghiệp FDI.

Về đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề làm việc trong các doanh nghiệp FDI: Nhà nước cần phải quan tâm hỗ trợ bằng cách chủ động phối hợp với các doanh nghiệp FDI để giúp họ quản lý và đào tạo tay nghề công nhân đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Kế hoạch đào tạo này phải đưa vào danh mục các dự án kêu gọi nhà đầu tư nước ngoài để các nhà đầu tư thấy trước sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà nước địa phương. Các trường Đại học, Cao đẳng tại Huế là những địa chỉ cam kết đào tạo, giúp các nhà đầu tư nước ngoài đào tạo theo yêu cầu của họ. Và những cam kết này phải được thông tin trên mạng, cung cấp cho các nhà đầu tư biết và hiểu.

Đặc biệt, ưu tiên việc kêu gọi đầu tư của các nhà đầu tư xây dựng các trường đào tạo, các trung tâm huấn luyện nghề nghiệp và chuyển giao công nghệ

## **PHẦN III**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. KẾT LUẬN**

Dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam với đường lối đổi mới, nhất là đổi mới tư duy của Đảng và Nhà nước, nhiều chủ trương chính sách trong đó có đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần. Phải khẳng định rằng, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng một vai trò lớn trong sự nghiệp CNH - HĐH đất nước.

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của thành phố Huế đầu tư trực tiếp nước ngoài có ý nghĩa rất chiến lược. Số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế đều tăng thêm qua các năm. Cơ cấu đầu tư vào thành phố Huế rất phù hợp với quan điểm xây dựng thành phố trở thành trung tâm du lịch quốc gia. Những kết quả đạt được một mặt cho thấy vai trò quan trọng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đối với sự tăng trưởng kinh tế, mặt khác cho thấy các doanh nghiệp này đã đầu tư đúng hướng vào sản xuất kinh doanh và thể hiện sự đúng đắn của công tác thu hút vốn đầu tư trực tiếp tại địa phương. Bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn tồn tại những hạn chế trong quá trình thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài do công tác nâng lực đội ngũ còn yếu kém, chính sách chưa thật sự thu hút được các nhà đầu tư nên các dự án vào thành phố Huế vẫn thấp so với các địa phương khác.

Để thành phố Huế trở thành một đầu tàu phát triển của khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Đảng bộ và chính quyền thành phố luôn hướng mục tiêu tạo những điều kiện thuận lợi nhất để thu hút thêm nhiều nguồn vốn đầu tư, phát triển kinh tế thành phố ngày càng năng động và tăng trưởng cao, trong đó có nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Sau tìm hiểu và phân tích các thực trạng, luận văn đã đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế cũng như những định hướng chiến lược đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Huế trong giai đoạn 2011 - 2015.

## **2. KIẾN NGHỊ**

Có thể nói thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế đã đạt được nhiều thành tựu. Thành phố Huế đã tạo nên dáng vẻ riêng, những bước đột phá trong nền kinh tế. Song, vẫn còn nhiều mặt tồn tại cần khắc phục. Để công tác thu hút FDI ngày càng có hiệu quả, tôi kiến nghị:

- Hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc triển khai thực hiện các dự án, cung cấp tốt những dịch vụ miễn phí hỗ trợ các dự án đầu tư khi cấp giấy phép.

- Công tác quảng bá hình ảnh thành phố Huế cần được chú trọng, kêu gọi đầu tư vào nhiều ngành, lĩnh vực để tận dụng tiềm năng phong phú của thành phố.

- UBND tỉnh phải chủ động có kế hoạch mang tính chiến lược thu hút FDI, cần xây dựng các dự án cụ thể, chi tiết để kêu gọi thu hút FDI. Thường xuyên chỉnh sửa, bổ sung vào danh mục các dự án kêu gọi FDI cũng như chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp để đáp ứng kịp thời yêu cầu của các nhà đầu tư.

- Cơ sở hạ tầng và nguồn lực đảm bảo sẽ là tiền đề quan trọng để các nhà đầu tư, các doanh nghiệp mạnh dạn, tin tưởng, năng động và sáng tạo triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư trên địa bàn nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững, đưa thành phố trở thành thành phố trực thuộc trung ương.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Nguyễn Bạch Nguyệt - TS. Từ Quang Phương, *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2004
2. GS.TS. Vũ Thị Ngọc Phùng, *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Lao Động - Xã hội, 2005
3. Th.S Hồ Tú Linh (2013), *Bài giảng Kinh tế đầu tư*, Đại học kinh tế Huế.
4. PGS. TS. Nguyễn Thị Cành, *Sách chuyên khảo các mô hình tăng trưởng và dự báo kinh tế lý thuyết và thực nghiệm*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2004
5. Phùng Xuân Nhạ, *Đầu tư nước ngoài ở Việt Nam thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc Gia Hà Nội 2005
6. Luật đầu tư nước ngoài 2005
7. PGS. TS Trần Quang Lâm – TS. An Như Hải, *Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc Gia Hà Nội 2006
8. *Niên giám thống kê Thừa Thiên Huế năm 2014*
9. Võ Thị Quế Hương, *Nghiên cứu giải pháp thu hút vốn đầu tư vào khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô tỉnh Thừa Thiên Huế*, năm 2007
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Huế tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020*
11. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế:
  - \* *Báo cáo tổng thể đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2011 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*
  - \* *Báo cáo tổng thể đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2012 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*
  - \* *Báo cáo tổng thể đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2013 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*
  - \* *Báo cáo tổng thể đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2014 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*
  - \* *Báo cáo tổng thể đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2015 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*

*Thiên Huế*

\* Báo cáo tổng kết 25 năm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

12. Định hướng thu hút và kêu gọi các Dự án FDI trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2011 - 2015

13. Website:

[www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam)

[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) (Bộ Tài chính Việt Nam)

[www.moi.gov.vn](http://www.moi.gov.vn) (Bộ Công nghiệp Việt Nam)

[www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn) (Tổng cục Thống kê Việt Nam)

[www.vir.com.vn](http://www.vir.com.vn) (Việt Nam Investment Review)

[www.worldbank.org/wbi](http://www.worldbank.org/wbi) (Ngân hàng Thế giới)

[www.vnexpress.net](http://www.vnexpress.net)

[www.hueuni.edu.vn](http://www.hueuni.edu.vn)

[www.VietNamNet.vnn.vn](http://www.VietNamNet.vnn.vn)

[www.tuoiitre.com.vn](http://www.tuoiitre.com.vn)

[www.thuathienhue.gov.vn](http://www.thuathienhue.gov.vn) (Công giao tiếp điện tử Thừa Thiên Huế)

[www.google.com.vn](http://www.google.com.vn)

<http://123doc.org>

[vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 01:

#### PHIẾU KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP

**(V/v những nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế)**

Kính thưa quý ông/bà!

Tôi là Hà Khánh Linh, sinh viên trường Đại học Kinh tế Huế. Hiện nay tôi đang làm luận văn tốt nghiệp với đề tài **“Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế trong giai đoạn 2011 – 2015”**. Vì vậy tôi xây dựng phiếu khảo sát này để tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Huế. Những ý kiến của quý ông/bà sẽ là những thông tin quý báu giúp tôi hoàn thành đề tài trên.

Rất mong nhận được sự giúp đỡ của quý vị, tôi xin đảm bảo những thông tin này chỉ phục vụ cho mục đích học tập. Xin chân thành cảm ơn.

#### Phần I. Thông tin chung

1. Họ và tên người trả lời:.....
2. Chức vụ:.....
3. Tên doanh nghiệp/công ty:.....
4. Doanh nghiệp được thành lập hoặc bắt đầu hoạt động năm nào?.....
5. Địa chỉ:.....SĐT:.....
6. Hình thức đầu tư vốn mà Doanh nghiệp đang thực hiện?
  - 100% vốn trong nước
  - 100% vốn nước ngoài
  - Liên doanh
7. Lĩnh vực, ngành kinh doanh nào sau đây mà Doanh nghiệp đang thực hiện?
  - Công nghiệp



- Thương mại dịch vụ
- Du lịch
- Nông lâm thủy sản
- Xây dựng CSHT

**Phần II. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào thành phố Huế của ông/bà?** (Xin ông/bà vui lòng đánh dấu X vào ô trống để thể hiện ý kiến của mình).

Câu 9. Xin ông/bà vui lòng cho biết các yếu tố nào sau đây có ý nghĩa quyết định đối với việc đầu tư vào Thành Phố Huế

Yếu tố đánh giá	Mức độ quyết định				
	Rất thấp	Thấp	Bình thường	Cao	Rất cao
1. Môi trường kinh tế, chính trị ổn định					
2. Vị trí địa lý thuận lợi					
3. Tài nguyên thiên nhiên sẵn có					
3. Cơ sở hạ tầng tốt và đồng bộ					
4. Lao động có trình độ tay nghề					
5. Giá công lao động rẻ					
6. Giá thuê đất rẻ					
7. Khả năng phát triển kinh tế của Tỉnh và TP Huế					
8. Lợi thế so sánh của lĩnh vực đầu tư					
9. Có các chính sách ưu đãi và kêu gọi đầu tư					
10. Cơ chế quản lý và thủ tục hành chính thuận lợi					



Câu 10. Xin ông/bà vui lòng cho biết mức độ đồng ý hoặc hài lòng của mình về môi trường đầu tư ở Thành phố Huế.

Yếu tố đánh giá	Mức độ đồng ý/hài lòng				
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
I. Môi trường TN - KT - XH					
1. Tình hình CT ổn định					
2. Vị trí thuận lợi					
3. Cơ sở hạ tầng đồng bộ					
4. Kinh tế của Tỉnh và TP Huế phát triển					
II. Nguồn lao động					
1. Trình độ lao động có chuyên môn, tay nghề cao					
2. Giá công lao động rẻ					
3. Thái độ làm việc LĐ tốt, cần cù, sáng tạo					
III. Thủ tục hành chính					
1. Cơ chế quản lý minh bạch					
2. Thủ tục nhanh gọn					
3. Đền bù GPMT nhanh gọn					
4. Chế độ một cửa, tại chỗ					
5. Thường xuyên cải cách TTHC					
IV. Chính sách					
1. Có nhiều CS ưu đãi					
2. Chính sách sau đầu tư tốt					
3. Chính sách xúc tiến đầu tư					

Câu 11. Theo ông/bà để đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp vào Thành phố Huế trong thời gian tới cần cải thiện các yếu tố nào sau đây? Vì sao?

Yếu tố đánh giá	Mức độ cần thiết				
	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng					
2. Tiếp cận đất đai dễ dàng hơn					
3. Tạo môi trường kinh doanh đa dạng, nhiều cơ hội kinh doanh hơn					
4. Thông tin chính sách quản lý FDI rõ ràng					
5. Đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư					
6. Thêm ưu đãi					
7. Hỗ trợ pháp luật					
8. Khác (ghi rõ)...					

Vì sao? .....

.....

Câu 12. Xin ông/bà vui lòng cho biết đánh giá chung của mình về thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp hiện nay ở Thành Phố Huế

.....

.....

.....

**Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của quý ông/bà**